



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DAMIK**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Hải Phòng, ngày 01 tháng 04 năm 2026



MỤC LỤC

I. Thông tin chung.....	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
4. Định hướng phát triển	8
5. Các rủi ro	9
II. Tình hình hoạt động trong năm	13
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	13
2. Cơ cấu Tổ chức và nhân sự.	14
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	19
4. Tình hình tài chính.....	22
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tính đến 31/12/2025).....	24
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	26
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về tình hình mọi mặt của Công ty.	30
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	30
2. Tình hình tài chính.....	31
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	31
4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026	32
5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	32
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	32
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....	33
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	33
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty.	33
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	34
V. Quản trị Công ty	34
1. Hội đồng quản trị	34
2. Ban Kiểm soát	41
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	42
VI. Báo cáo tài chính	46

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK
Tên tiếng Anh	DAMIK GROUP JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	DAMIK

Logo Công ty



DLH
LEADING TO PROSPERITY

DAMIK



DAMIK
GROUP

Vốn điều lệ đăng ký	143.750.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	143.750.000.000 đồng
Trụ sở chính	Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng
Website	damik.com
Số điện thoại	0220 352 8383 Fax: 0320 352 8585
Giấy chứng nhận DKDN	Số 0800462363 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ mười chín ngày 05 tháng 05 năm 2025
Người đại diện pháp luật	Ông Lê Quý Sơn – Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
Ngày Công ty đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng	Ngày 23/07/2024, Công ty đáp ứng đủ điều kiện Công ty đại chúng
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty	Sản xuất vôi, dolomit nung, các sản phẩm từ vôi, dolomit nung
Mã cổ phiếu	DKG

❖ Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH (có tiền thân là Công ty Cổ phần Môi trường Hoàng Anh được thành lập lần đầu vào ngày 23/10/2008 với mức vốn điều lệ ban đầu là 2,5 tỷ đồng) là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vôi, dolomite và các sản phẩm từ vôi. Trải qua nhiều lần tăng vốn, mức vốn điều lệ của Công ty hiện tại là 143,75 tỷ đồng.

Công ty hiện đang sở hữu 05 lò nung vôi công nghiệp dạng đứng: Lò Sk1 và Lò sk2 được Công ty đưa vào sản xuất từ tháng 2/2017; tiếp đó Lò Sk3 và Lò Sk4 bắt đầu hoạt động từ tháng 10/2021 và Lò Sk 5 hoạt động từ tháng 4/2019, theo đó tổng công suất thiết kế của 5 lò nung

vôi công nghiệp của Công ty đạt 320.000 tấn/năm. Công ty còn sở hữu hệ thống dây chuyền nghiền vôi bột và vôi hydrat để sản xuất các sản phẩm chuyên sâu đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.

Ngoài ra, để tạo một hệ sinh thái đồng bộ và đa dạng cho các loại hình vận chuyển, nhằm tối ưu thời gian và chi phí vận chuyển hàng hóa và nguyên liệu, Công ty đã đầu tư và đang vận hành dự án bến thủy nội địa gắn liền với nhà máy với diện tích hơn 15.000 m² và diện tích này còn tiếp tục được mở rộng trong thời gian tới. Việc sở hữu bến thủy nội địa riêng với trọng tải tàu từ 1000-2000 DWT đã tạo điều kiện thuận lợi không chỉ cho nhà máy mà còn giúp khách hàng có nhiều sự lựa chọn và tối ưu hóa chi phí, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

Trải qua 18 năm hình thành và phát triển, DLH hướng đến mục tiêu trở thành một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực xuất khẩu vôi công nghiệp thân thiện với môi trường với các sản phẩm từ vôi và dolomite nung sản xuất tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

Ngày 25/04/2025, Công ty cổ phần Vôi công nghiệp DLH chính thức đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn DamiK.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu

STT	Ngành nghề	Mã số
1	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394 (Chính)
2	Khai thác và thu gom than cứng	0510
3	Khai thác và thu gom than non	0520
4	Khai thác quặng sắt	0710
5	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Không bao gồm kim loại quý)	0722
6	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
7	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.	2395
8	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
9	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	2592
10	Sản xuất sản phẩm bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất các sản phẩm cơ khí (Không thực hiện các hoạt động không thuộc danh mục ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường tại Danh mục A Phụ lục I thuộc Nghị định 31/2021/NĐ-CP)	2599

STT	Ngành nghề	Mã số
11	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng. (Không thực hiện các hoạt động thuộc danh mục ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường tại Danh mục A Phụ lục I thuộc Nghị định 31/2021/NĐ-CP; không thuộc đối tượng là nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài theo quy định tại Thông tư 03/2024/TT-BTC)	4659
12	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, quặng sắt	4662
13	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng, vôi và các sản phẩm khác từ vôi (vôi sữa, bột nhẹ) thạch cao, đolômit, đồ ngũ kim, gạch, cát, đá, sỏi, tre nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, sơn, vécni (Không thực hiện các hoạt động thuộc danh mục ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường tại Danh mục A Phụ lục I Thuộc Nghị định 31/2021/NĐ-CP; không thuộc đối tượng là nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài theo quy định tại Thông tư 03/2024/TT-BTC)	4663
14	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
16	Bốc xếp hàng hóa (Ngoại trừ bốc xếp hàng hóa hàng không)	5224
17	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê Chi tiết: Cho thuê văn phòng, nhà xưởng	6810

b. Địa bàn kinh doanh

Công ty hiện tại đang kinh doanh trên nhiều địa bàn cả trong nước và nước ngoài.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần được tổ chức theo Luật Doanh nghiệp. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, các luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty cổ phần quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty cổ phần, kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty;

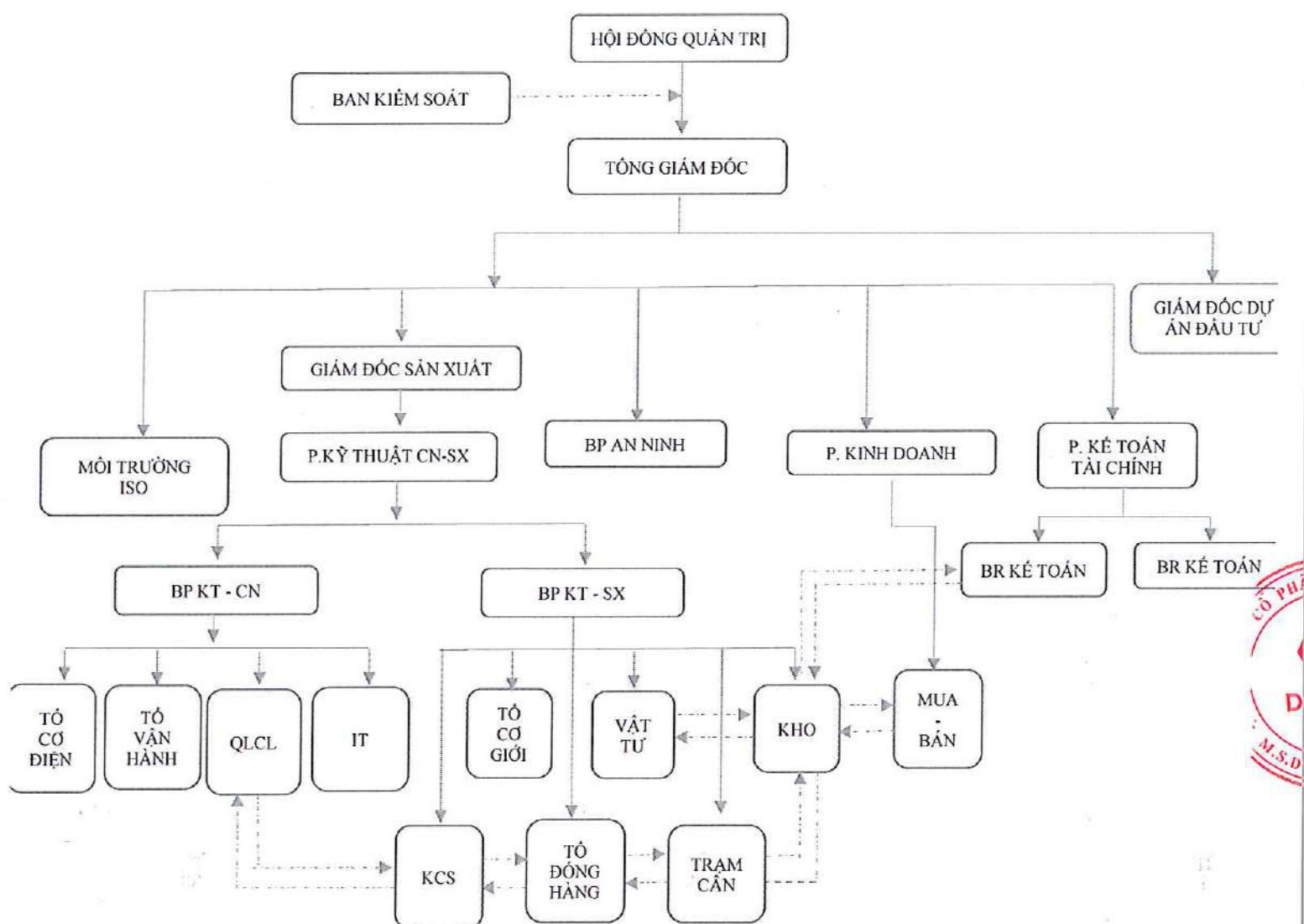
Hội đồng quản trị: Hội đồng Quản trị gồm 05 thành viên, có nhiệm vụ: quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty;

Ban Tổng Giám đốc: Ban Tổng Giám đốc của Công ty bao gồm 1 Tổng giám đốc, 1 Giám đốc sản xuất, 1 Giám đốc dự án đầu tư chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc Công ty là người đứng đầu Ban Tổng giám đốc, quản lý và điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn chung ghi trong Điều lệ Công ty và theo thẩm quyền được giao.

Ban Kiểm soát: Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, có nhiệm vụ: thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn; thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh quản trị và điều hành của Công ty.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ CƠ CẤU QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



c. Các công ty con, công ty liên kết

Công ty cổ phần tập đoàn DamiK đầu tư vào công ty liên kết:

STT	Tên công ty	Mã số thuế	Địa chỉ trụ sở chính	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Mối quan hệ liên quan với công ty
1	Công ty Cổ phần chế biến khoáng sản Sơn Thịnh	0800844002	Khu Nhất Sơn, Phường Nguyễn Đại Năng, Thành	Quyết định số 16/QĐ HĐQT ngày 17/12/2025 thông qua nhận chuyển nhượng cổ phần tại công ty cổ phần chế biến khoáng sản Sơn Thịnh	- Công ty cổ phần Tập đoàn DamiK giữ 48% cổ phần - Ông Nguyễn Văn Hải là Giám đốc

			phổ Hải Phòng		- Ông Lê Quý Sơn là thành viên HĐQT đồng thời là Người đại diện quản lý cổ phần của CTCP Tập đoàn DamiK
--	--	--	---------------	--	---

4. Định hướng phát triển

a. Giá trị cốt lõi

Giá trị cốt lõi

Lấy sản xuất công nghệ hiện đại làm trung tâm của sự phát triển, sinh ra giá trị gia tăng lâu dài, bền vững.

Lấy uy tín với đối tác làm kim chỉ nam cho mọi hành động, xây dựng hình ảnh tập đoàn tiêu chuẩn toàn cầu

Tầm nhìn

Mục tiêu của Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK là trở thành tập đoàn đứng đầu Việt Nam trong đầu tư, sản xuất vôi và các sản phẩm từ đá vôi, dolomit.

Sứ mệnh

Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK còn mang trong mình sứ mệnh là mang lại sự thịnh vượng, hạnh phúc cho người lao động và các đối tác thông qua sản xuất kinh doanh và hợp tác quốc tế.

b. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Công ty xác định chiến lược kinh doanh phải phù hợp với chiến lược phát triển của ngành sản xuất vôi công nghiệp, Công ty các xây dựng các mục tiêu chiến lược sau đây

❖ Mục tiêu chiến lược

- Cải thiện nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ vận chuyển đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng và đối tác
- Nắm bắt nhanh chóng nhu cầu của thị trường để đầu tư và mở rộng sản xuất, nâng cao công suất của nhà máy

❖ Định hướng thực hiện và biện pháp về tổ chức quản lý

- Từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng gọn nhẹ, linh hoạt, hiệu quả và đảm bảo an toàn
- Bổ sung nhân sự đáp ứng mục tiêu tăng trưởng của từng giai đoạn
- Thực hiện phân cấp mạnh mẽ cho các đơn vị theo từng lĩnh vực hoạt động trên cơ sở tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cấp trong hoạt động sản xuất và kinh doanh
- Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng để thu hút nhân tài về Công ty
- Xây dựng và khai thác hiệu quả mạng thông tin điện tử trong quản lý và điều hành hoạt động của Công ty

❖ Định hướng về tìm kiếm khách hàng, sản phẩm và thị trường doanh nghiệp

- Không ngừng tìm hiểu nhu cầu khách hàng và cải tiến sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu thị hiếu của khách hàng
- Chú trọng mối quan hệ với khách hàng lâu năm có uy tín
- Xây dựng mối quan hệ hợp tác với các khách hàng chiến lược truyền thống và mở rộng quan hệ với các đối tác mới nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trên cơ sở đáp ứng một cách năng động nhu cầu của khách hàng
- Công ty không ngừng tìm hiểu và phát triển mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh mới nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường
- Xây dựng sản phẩm đặc thù của Công ty nhằm tạo một thương hiệu riêng biệt của Công ty trên thị trường trong và ngoài nước
- Khẳng định năng lực bằng cách nâng cao chất lượng sản phẩm, giá cả cạnh tranh, đảm bảo tiến độ sản xuất và giao hàng nhằm đảm bảo uy tín với khách hàng

c. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

❖ Mục tiêu đối với môi trường

Bên cạnh việc sử dụng vôi và dolomite cho các ngành công nghiệp sản xuất, khai thác và trồng trọt, việc định hướng sử dụng vôi cho các ngành công nghiệp bảo vệ môi trường như sử dụng vôi ngâm nước cho việc xử lý nước thải, hoặc điều chỉnh nồng độ pH trong nước... cũng được đặt ưu tiên hàng đầu.

❖ Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

Với sự cải tiến và lao động không ngừng nghỉ, các sản phẩm vôi như vôi nung, vôi hydrat hóa,... & dolomite của chúng tôi đem lại nhiều giá trị cho ngành công nghiệp như: luyện kim, công nghiệp khai khoáng, sản xuất giấy, thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, tuyển quặng... trong quá trình sản xuất, khai thác và trồng trọt

5. Các rủi ro

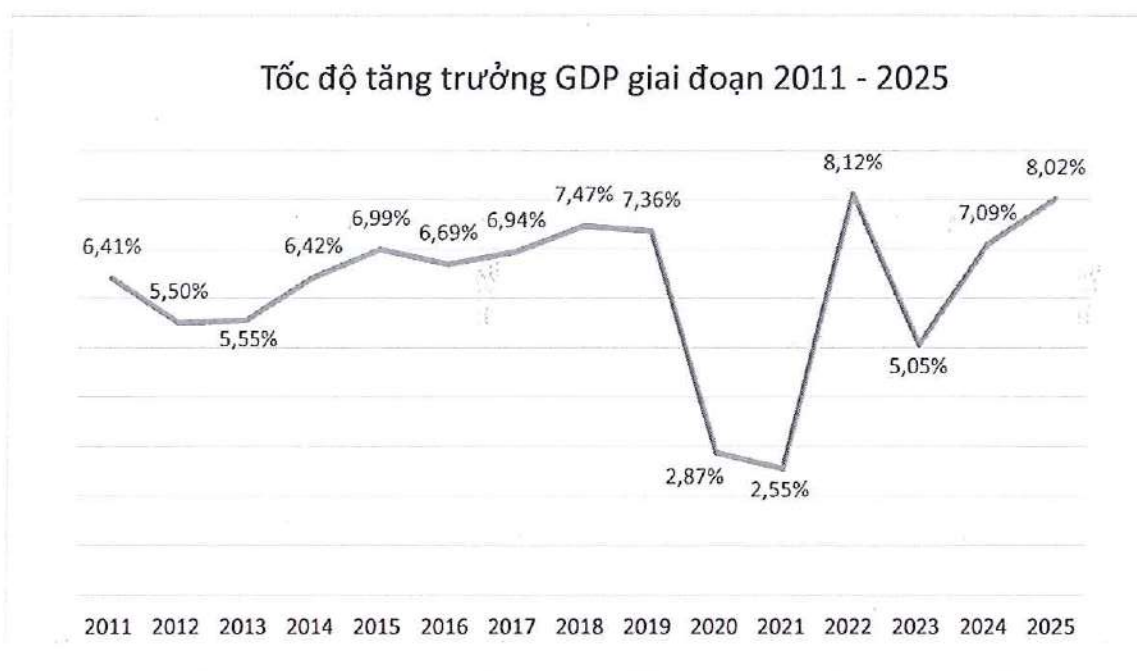
a. Rủi ro kinh tế

Với lĩnh vực kinh doanh chính hiện nay là sản xuất xi măng, vôi và thạch cao, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc nhiều vào tốc độ tăng trưởng và những diễn biến của nền kinh tế nói chung.

Năm 2025, kinh tế thế giới vẫn tăng trưởng khoảng 3,1–3,2%, nhưng mức này thấp hơn đáng kể so với trước đại dịch, cho thấy đà phục hồi còn thiếu bền vững. Bước sang 2026, kinh tế toàn cầu được dự báo tiếp tục trong trạng thái “không bùng nổ, không suy thoái” với tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 3,1% và thương mại toàn cầu chỉ tăng hơn 2%. Tuy vậy, môi trường quốc tế tiềm ẩn nhiều bất ổn: căng thẳng địa chính trị kéo dài và xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng đang phủ bóng lên triển vọng 2025–2026. Đáng chú ý, các biện pháp thuế quan và rào cản thương mại mới (đặc biệt từ phía Hoa Kỳ) được cảnh báo là rủi ro lớn có thể làm suy giảm xuất khẩu, gián đoạn chuỗi cung ứng và kéo tăng trưởng toàn cầu đi xuống. Đối với Việt Nam, đà phục hồi mạnh mẽ năm 2024 (GDP tăng ~7,1%) nhiều khả năng sẽ chững lại trong hai năm tới. Quỹ Tiền tệ Quốc tế

(IMF) dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam có thể giảm còn khoảng 6,5% trong năm 2025 và tiếp tục suy giảm năm 2026, một phần do tác động toàn phần của việc Hoa Kỳ áp thuế mới lên hàng xuất khẩu Việt Nam từ giữa 2025 và việc các gói kích thích kinh tế trong nước dần kết thúc. Như vậy, cả thị trường quốc tế lẫn nội địa giai đoạn 2025–2026 đều đối mặt với nguy cơ tăng trưởng chậm lại so với kỳ vọng, kéo theo nhu cầu tiêu thụ nguyên vật liệu như vôi, dolomite khó giữ được đà tăng.¹

Tác động đến Công ty: Tăng trưởng kinh tế trong nước và thế giới suy yếu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng tiêu thụ của Công ty. Nếu kinh tế Việt Nam tăng chậm lại, các ngành xây dựng, sản xuất thép, xi măng... trong nước có thể thu hẹp quy mô đầu tư và sản xuất, dẫn đến nhu cầu sử dụng vôi và dolomite giảm. Ở thị trường quốc tế, tốc độ tăng trưởng và thương mại toàn cầu đình trệ đồng nghĩa nhu cầu của khách hàng nước ngoài cho sản phẩm của Công ty cũng suy giảm. Đặc biệt, các rủi ro về bảo hộ và xung đột thương mại có thể khiến Công ty khó mở rộng thị trường xuất khẩu, thậm chí đối mặt với nguy cơ sụt giảm đơn hàng. Nhìn chung, rủi ro tăng trưởng kinh tế đòi hỏi Công ty phải thận trọng trong kế hoạch sản xuất – kinh doanh, chủ động theo dõi sát diễn biến thị trường để điều chỉnh sản lượng kịp thời, tránh tồn kho cao và duy trì thanh khoản trong giai đoạn nhu cầu biến động.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

b. Rủi ro lạm phát và chi phí đầu vào nội địa

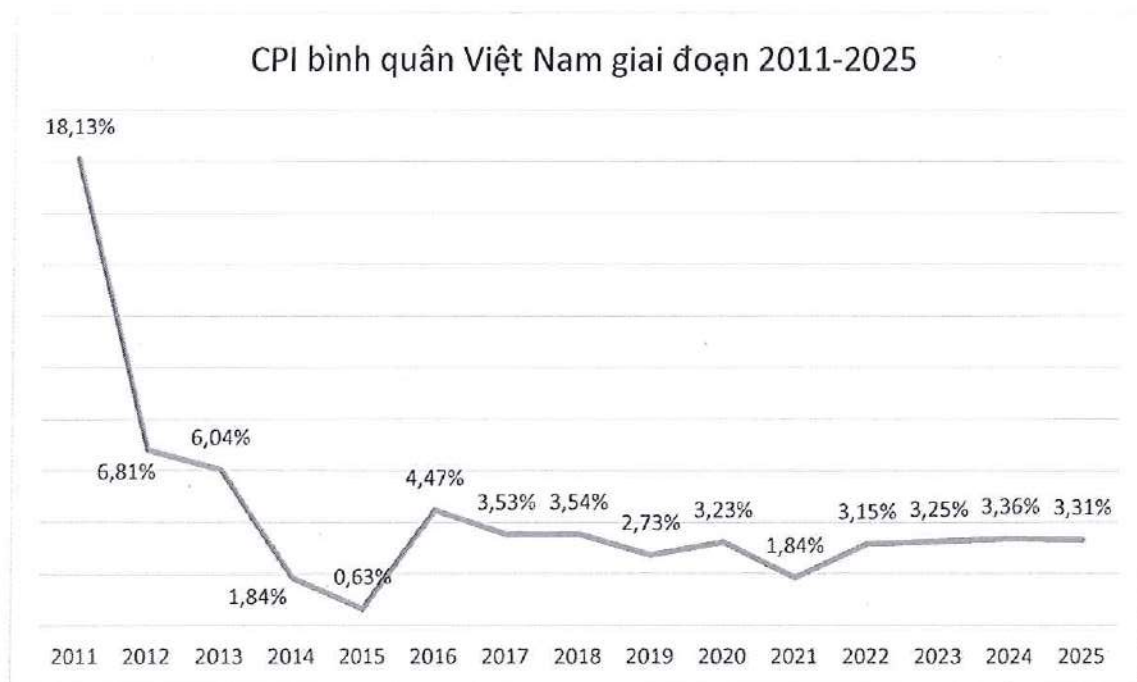
Bên cạnh tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát cũng là một yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào cũng như chi phí chung của doanh nghiệp tăng cao, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp.

¹ <https://tapchikinhdoanh.vn/trien-vong-kinh-te-toan-cau-2026-co-hoi-phuc-hoi-dan-xen-rui-ro-141835.html#:~:text=Tuy%20nh%C3%AAn%2C%20Th.S.tr%C6%B0%E1%BB%9Bc%20c%C3%A1c%20c%C3%B4%20s%E1%BB%91c%20m%E1%BB%9B>

Nhờ chính sách điều hành linh hoạt, Việt Nam đã kiểm soát lạm phát năm 2025 ở mức tương đối thấp. CPI bình quân năm 2025 tăng khoảng 3,31% so với năm trước – đánh dấu năm thứ 11 liên tiếp lạm phát được giữ dưới 4%. Mặt bằng giá được kiềm chế bất chấp áp lực từ tín dụng tăng trưởng cao và tỷ giá tăng, một phần nhờ giá nhiều hàng hóa cơ bản trên thế giới (dầu thô, sắt thép, lương thực) có xu hướng giảm, giúp trung hòa chi phí nhập khẩu. Bước sang năm 2026, lạm phát được dự báo nhích lên nhưng không vượt quá mục tiêu: CPI trung bình cả năm dự kiến xoay quanh mức 3,5%, vẫn nằm trong ngưỡng kiểm soát. Tuy nhiên, các yếu tố gây áp lực lạm phát vẫn hiện hữu và cần lưu ý². Chuyên gia nhận định áp lực tăng giá năm 2026 có thể đến từ độ trễ của tăng trưởng tín dụng cao trong năm trước và mục tiêu tăng trưởng GDP 10% cho năm 2026 – mức rất cao đòi hỏi tổng cầu nội địa (đầu tư, tiêu dùng) tăng mạnh, từ đó tạo sức ép lên giá cả. Bên cạnh đó, tỷ giá hối đoái có thể tác động đến giá trong nước: nếu VND mất giá, chi phí nhập khẩu nguyên liệu hoặc thiết bị (nếu có) sẽ đắt đỏ hơn, còn nếu VND lên giá, giá hàng hóa nhập khẩu rẻ hơn nhưng lại tạo sức ép cho nhà xuất khẩu. Ngoài ra, giá một số hàng hóa và dịch vụ do Nhà nước quản lý (như điện, y tế) được điều chỉnh tăng cũng đóng góp vào lạm phát chung. Đáng chú ý, giá các vật liệu xây dựng được dự báo có xu hướng tăng trở lại trong năm 2026, cùng với lượng tiền cung ứng ở mức cao và áp lực tỷ giá nhất định – những yếu tố này có thể đẩy CPI cao hơn nếu không được kiểm soát tốt. Tóm lại, giai đoạn 2025–2026 lạm phát tại Việt Nam dự kiến duy trì quanh mức 3–4%/năm (tức tương đối ổn định), nhưng rủi ro tăng giá đột biến do cú sốc bên ngoài (ví dụ giá nhiên liệu thế giới tăng) hoặc bên trong (tín dụng, đầu tư công bùng nổ) vẫn cần được đề phòng.³

Tác động đến Công ty: Lạm phát gia tăng đồng nghĩa với việc chi phí đầu vào của Công ty có thể tăng lên, làm giảm hiệu quả kinh doanh. Cụ thể, sản xuất vôi và dolomite đòi hỏi nhiều năng lượng (nhiên liệu cho lò nung) và điện, do đó nếu giá xăng dầu, than, điện... trong nước tăng, chi phí sản xuất trên mỗi đơn vị sản phẩm sẽ cao hơn. Ngoài ra, lạm phát cao kéo dài có thể buộc Chính phủ thắt chặt chính sách tiền tệ (tăng lãi suất), gián tiếp làm tăng chi phí lãi vay và giảm nhu cầu tiêu dùng xã hội. Do vậy, nếu lạm phát năm 2026 vượt mức dự kiến, Công ty có thể đối mặt với chi phí sản xuất và vận hành cao hơn, biên lợi nhuận gộp thu hẹp. Để ứng phó, Công ty sẽ cần tiếp tục các nỗ lực tối ưu hóa quy trình sản xuất, tiết kiệm năng lượng và chi phí, đồng thời linh hoạt trong định giá sản phẩm nhằm bảo toàn lợi nhuận trong trường hợp giá đầu vào biến động.

² <https://baohinhphu.vn/chuyen-gia-du-bao-lam-phat-2026-quanh-35-nhung-can-than-trong-truoc-ap-luc-102260112183844303.htm#:~:text=Tuy%20nh%C3%AAn%2C%20m%E1%BB%A5c%20ti%C3%A4u%20%C4%83ng,d%C3%B9ng%2C%20%C4%91%E1%BB%81u%20ph%E1%BA%A3i%20t%C4%83ng%20m%E1%BA%A1nh>
³ <https://baohinhphu.vn/chuyen-gia-du-bao-lam-phat-2026-quanh-35-nhung-can-than-trong-truoc-ap-luc-102260112183844303.htm#:~:text=Tuy%20nh%C3%AAn%2C%20m%E1%BB%A5c%20ti%C3%A4u%20%C4%83ng,d%C3%B9ng%2C%20%C4%91%E1%BB%81u%20ph%E1%BA%A3i%20t%C4%83ng%20m%E1%BA%A1nh>



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

c. Rủi ro lãi suất

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí đi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của ngành đó.

Trong năm 2024 và nửa đầu 2025, Ngân hàng Nhà nước đã liên tục giảm các lãi suất điều hành nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế sau giai đoạn thắt chặt tiền tệ trước đó. Nhờ đó, mặt bằng lãi suất vay vốn năm 2025 tại Việt Nam có thời kỳ duy trì ở mức thấp tương đối, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận vốn rẻ hơn. Tuy nhiên, đến cuối năm 2025, áp lực lãi suất bắt đầu gia tăng trở lại. Tăng trưởng tín dụng toàn nền kinh tế đạt mức cao (~17% vào cuối tháng 11/2025) khiến nhu cầu vốn tăng mạnh, đẩy các ngân hàng thương mại bước vào cuộc đua nâng lãi suất huy động tiền gửi cuối năm. Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm đã vọt lên hơn 7% vào đầu tháng 12/2025 – mức cao nhất trong nhiều năm – báo hiệu thanh khoản hệ thống ngân hàng bớt dồi dào. Thực tế, lãi suất huy động tăng sớm muộn sẽ kéo lãi suất cho vay tăng theo, và diễn biến cuối 2025 cho thấy nguy cơ mặt bằng lãi suất cho vay nhích lên trở lại sau một giai đoạn giảm. Bước sang 2026, xu hướng này có thể tiếp diễn: dự báo cho thấy lãi suất có thể tăng nhẹ thêm trong năm 2026 do hệ quả của tăng trưởng tín dụng cao và nhằm kiềm chế lạm phát. Dù vậy, Ngân hàng Nhà nước khẳng định sẽ nỗ lực điều hành để tránh tình trạng lãi suất tăng quá mức gây bất lợi cho doanh nghiệp. Cơ quan điều hành đã và sẽ áp dụng các biện pháp linh hoạt (bơm/hút thanh khoản, can thiệp ngoại hối, điều tiết tín dụng...) nhằm giữ ổn định mặt bằng lãi suất, không để lãi suất cho vay tăng cao bất thường ảnh hưởng đến chi phí vốn của doanh nghiệp và nhu cầu vay vốn đầu tư, sản xuất trong nền kinh tế. Tổng thể lại, giai đoạn 2025–2026, mặt bằng lãi suất cho vay nội địa được kỳ vọng ổn định ở mức chấp nhận được, nhưng rủi ro vẫn tồn tại nếu áp lực lạm phát, tỷ giá

tăng mạnh hoặc thanh khoản hệ thống căng thẳng đột biến.⁴

Tác động đến Công ty: Lãi suất vay vốn là một yếu tố chi phí quan trọng đối với Công ty, do Công ty có sử dụng vốn vay ngân hàng trong nước để tài trợ cho hoạt động. Nếu lãi suất cho vay duy trì ở mức cao hoặc tiếp tục tăng, chi phí lãi vay của Công ty sẽ tăng theo, làm giảm lợi nhuận ròng. Không chỉ vậy, lãi suất cao cũng làm tăng chi phí cơ hội của các dự án đầu tư mới – Công ty có thể phải cân nhắc kỹ hơn trước khi mở rộng sản xuất do chi phí vốn đắt đỏ hơn. Ở tầm vĩ mô, mặt bằng lãi suất quá cao còn ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế: doanh nghiệp hạn chế vay vốn mở rộng kinh doanh, người tiêu dùng giảm chi tiêu và đầu tư. Điều này có thể tác động gián tiếp đến Công ty khi khách hàng của Công ty (ví dụ như các doanh nghiệp xây dựng, sản xuất thép, xi măng) thu hẹp hoạt động vì lãi suất vay cao, dẫn đến nhu cầu đối với sản phẩm vôi, dolomite suy giảm. Ngược lại, nếu lãi suất hạ nhiệt ổn định, đó sẽ là yếu tố thuận lợi giúp Công ty giảm bớt gánh nặng chi phí tài chính và có dư địa để đầu tư cho tăng trưởng. Do đó, Công ty luôn theo dõi sát sao diễn biến lãi suất và chủ động cơ cấu lại các khoản vay (kỳ hạn, lãi suất cố định vs. thả nổi) khi cần thiết, nhằm giảm thiểu rủi ro chi phí vốn tăng đột biến.

d. Rủi ro về luật pháp

Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia ảnh hưởng rất lớn đến sự ổn định và khả năng phát triển của nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK, hoạt động của doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật thương mại, các chính sách thuế, hải quan, và các đạo luật liên quan khác. Với tư cách là một doanh nghiệp đã giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán, Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Như vậy, bất kỳ thay đổi bất lợi nào trong hệ thống các văn bản pháp luật này cũng có thể tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

e. Rủi ro môi trường, rủi ro khác

Là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công trình thủy, công trình chế biến, chế tạo, các rủi ro môi trường hay các rủi ro như thiên tai, dịch họa (lũ lụt, hạn hán) hay do tai nạn (cháy, nổ,...) là những rủi ro do nguyên nhân bất khả kháng, ngoài tầm kiểm soát của doanh nghiệp, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và hoạt động chung của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2025

⁴ <https://thesaigontimes.vn/chinh-sach-tien-te-cuoi-nam-truoc-xu-huong-lai-suat-huy-dong-tang-#:~:text=Tuy%20nh%C3%A2n%20%C6%B0%E1%BB%9Bc%20%C3%A1p%20%E1%BB%B1c,h%C3%A0ng%20theo%20khung%20%E1%BB%81n%20%E1%BB%ADi>

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025	
			Giá trị	Thay đổi (%)
Tổng tài sản	Triệu đồng	291.920	255.257	-12,56%
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	168.606	169.020	0,25%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	337.477	211.270	-37,40%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	15.464	415,52	-97,32 %
EPS	Đồng/CP	1.076	29	-97,32 %

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK)

Năm 2025 là một năm nhiều khó khăn và biến động chung đối với nền kinh tế, ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên kết quả đạt được cũng đã thể hiện phần nào sự tập trung cao độ và linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành của Ban lãnh đạo trong bối cảnh tình hình kinh doanh gặp vô vàn khó khăn. Kết quả kinh doanh năm 2025 của Công ty như sau:

- Tổng tài sản của Công ty năm 2025 đạt 255.257 triệu đồng, giảm 12,56 % so với năm 2024.
- Doanh thu thuần của Công ty năm 2025 đạt 211.27 triệu đồng, giảm 37,4 % so với năm 2024.
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2025 đạt 415 triệu đồng, giảm 97,32 % so với năm 2024.

b. Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch đề ra

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	TH 2025/KH 2025
Doanh thu thuần	302	211,27	69,96%
Lợi nhuận sau thuế	7,2	0,41	5,76%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK)

Doanh thu thuần của Công ty đạt 211 tỷ đồng, giảm 37,4 % so với năm 2024. Nguyên nhân là do sản lượng bán hàng năm 2025 giảm 77.920,68 tấn tương ứng mức giảm 35,2%. Trong khi sản lượng bán hàng và sản lượng sản xuất đều giảm từ 35-38% nhưng chi phí quản lý doanh nghiệp chỉ giảm 1,3 tỷ VNĐ tương ứng mức giảm 14,9%, chi phí hoạt động tài chính giảm 2,6 tỷ VNĐ tương ứng mức giảm 28,7%, do có những khoản chi phí gần như cố định hàng tháng không phụ thuộc vào sản lượng sản xuất và tiêu thụ, làm cho lợi nhuận sau thuế năm 2025 giảm 97,32% so với năm 2024 và đạt mức 0,41 tỷ đồng.

2. Cơ cấu Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành tính đến ngày 31/12/2025

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Lê Quý Sơn	Tổng Giám đốc	25/10/2021

2	Ông Bùi Văn Tuấn	Giám đốc sản xuất (Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc kể từ ngày 13/06/2025 – Bổ nhiệm chức danh Giám đốc sản xuất kể từ ngày 13/06/2025)	22/04/2022
3	Ông Nguyễn Văn Hải	Giám đốc dự án đầu tư	13/06/2025
4	Bà Hoa Kim Dung	Kế toán trưởng	02/05/2023 – 01/10/2025
5	Bà Nguyễn Thị Luyện	Kế toán trưởng	01/10/2025

❖ **Ông Lê Quý Sơn – Tổng Giám đốc**

- Ngày sinh: 20/03/1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giới tính: Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư máy xếp dỡ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2007 – 05/2008	Công ty Cổ phần thiết bị nâng Nam Triệu	Cán bộ kỹ thuật
06/2008 – 11/2008	Công ty Cổ phần thiết bị nâng Nam Triệu	Phó Quản đốc
04/2009 – 01/2011	Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	Nhân viên kỹ thuật
02/2011 – 03/2014	Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	Chuyên viên – Phó kho công cụ
01/2015 – 10/2021	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH	Phó Giám đốc
11/2021 – 06/2022	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH	Giám đốc
07/2022 – 04/2025	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH	Tổng giám đốc
04/2025 - nay	Công ty cổ phần Tập đoàn DamiK	Tổng giám đốc
12/2016 – nay	Công ty Cổ phần chế biến khoáng sản Sơn Thịnh	Thành viên HĐQT Người đại diện quản lý cổ phần của Công ty cổ



		phần Tập đoàn DamiK tại Công ty cổ phần chế biến khoáng sản Sơn Thịnh
12/2020 - nay	Công ty TNHH MTV DLH Thanh Hóa	Giám đốc
02/2021 – 06/2025	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp Trường Phúc	Thành viên HĐQT kiêm giám đốc
12/2021 – nay	Công ty Cổ phần tập đoàn DLH Holdings	Thành viên HĐQT
04/2023 – 09/2025	Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Phúc Trường Thịnh	Chủ tịch HĐQT
10/2022 – nay	Công ty Cổ phần đầu tư Phúc Trường Lộc	Thành viên HĐQT

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

❖ Ông Bùi Văn Tuấn – Giám đốc sản xuất

- Ngày sinh: 06/03/1987

- Quốc tịch: Việt Nam

- Giới tính: Nam

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật

- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2010 – 03/2014	Công ty Cổ phần Thiết bị nâng Nam Triệu	Chuyên viên
06/2014 – 12/2015	Công ty Cổ phần DLH Việt Nam	Nhân viên kỹ thuật
01/2016 – 12/2016	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH	Nhân viên
01/2017 – 12/2018	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH	Nhân viên công nghệ
01/2019 – 04/2022	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH	Trưởng phòng
04/2022 – 06/2022	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH	Phó Giám đốc Kỹ thuật sản xuất
07/2022 – 04/2025	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH	Phó Tổng giám đốc
04/2025 - nay	Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK	Giám đốc sản xuất

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Giám đốc sản xuất

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.000 cổ phần, chiếm 0,007% vốn điều lệ

❖ **Bà Hoa Kim Dung – Kế toán trưởng**

- Ngày sinh: 12/05/1992
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Kiểm toán
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí
12/2014 – 05/2017	Công ty Cổ phần DLH Việt Nam	Nhân viên kế toán
06/2017 – 11/2020	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp Việt Nam	Nhân viên Kế toán
12/2020 – 11/2021	Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt	Nhân viên kế toán
12/2021 – 01/2023	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp Việt Nam	Kế toán trưởng
02/2023 – 04/2023	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp Việt Nam	Nhân viên kế toán
05/2023 – 04/2025	Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp Việt Nam	Kế toán trưởng
04/2025 – 10/2025	Công ty Cổ phần tập đoàn DamiK	Kế toán trưởng

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Không
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 2.000 cổ phiếu, chiếm 0,014% vốn điều lệ

❖ **Bà Nguyễn Thị Luyện – Kế toán trưởng**

- Ngày sinh: 05/05/1990
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Học viên Ngân hàng Hà Nội
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí
Từ 08/2012 – 04/2013	Trung tâm nghệ thuật YTC	Nhân viên kế toán
Từ 05/2013 – 07/2016	Công ty TNHH Nam Lee International	Kế toán công nợ
Từ 08/2016 – 12/2020	Công ty TNHH SX và TM Hải Yến	Kế toán trưởng
Từ 07/2021 – 08/2024	Công ty TNHH Vinh Phát Việt Nam	Kế toán trưởng
Từ 10/2024 -04/2025	Công ty cổ phần Vôi công nghiệp DLH	Kế toán viên

04/2025 – 10/2025	Công ty cổ phần Tập đoàn DamiK	Kế toán viên
Từ 10/2025 - Nay	Công ty cổ phần Tập đoàn DamiK	Kế toán trưởng

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

b. Những thay đổi trong ban điều hành (nếu có)

Trong năm 2025, Công ty có sự thay đổi trong ban điều hành như sau

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/
1	Ông Bùi Văn Tuấn – Giám đốc sản xuất	06/03/1987	Kỹ sư kỹ thuật	-Miễn nhiệm chức danh Phó tổng giám đốc từ ngày 13/06/2025 -Bổ nhiệm chức danh Giám đốc sản xuất từ ngày 13/06/2025
2	Ông Nguyễn Văn Hải – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc dự án đầu tư	17/05/1976	Kỹ sư xây dựng	Bổ nhiệm từ ngày 13/06/2025
3	Bà Hoa Kim Dung	12/05/1992	Cử nhân Kế toán kiểm toán	Bổ nhiệm ngày 02/05/2023 Miễn nhiệm ngày 01/10/2025
4	Bà Nguyễn Thị Luyện	05/05/1990	Cử nhân học viện Ngân hàng	Bổ nhiệm kể từ ngày 01/10/2025

c. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

TT	Nội dung	31/12/2025	Tỷ trọng
1	Phân loại theo trình độ lao động		
1.1	Đại học và trên đại học	15	12,09%
1.2	Cao đẳng, trung cấp	15	12,1 %
1.3	Trình độ công nhân kỹ thuật	18	14,52%
1.3	Đối tượng khác (lao động phổ thông)	76	61,29 %

2	Phân loại theo giới tính		
2.1	Nam	61	49,19%
2.2	Nữ	63	50,81%
3	Mức lương bình quân đầu người (triệu đồng/người/tháng)	15.7	11,07

- Tính đến 31/12/2025, Công ty có 124 người lao động. Với chính sách tuyển dụng và thu hút nhân tài, Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK đã tập hợp được một tập thể lao động có chất lượng cao, kỷ luật, đoàn kết.

d. Chính sách nhân sự

- Công ty thực hiện làm việc theo chính sách ca kíp đối với khối sản xuất. Công ty chia làm 03 ca/ngày. Nhân viên làm việc theo ca với 8 giờ/ngày và 6 ngày/tuần. Khối văn phòng làm việc theo giờ hành chính 8 giờ/ngày và 6 ngày/tuần. Ngoài ra, khi cần yêu cầu nhân viên làm thêm giờ, Công ty thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Nhân viên được phép nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động.

e. Chính sách đào tạo

- Chính sách đào tạo cho người lao động luôn được Công ty chú trọng. Với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ nguồn nhân lực, Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK đã xây dựng Quy trình đào tạo nhằm đảm bảo thực hiện việc đào tạo một cách khoa học, hệ thống và mang lại hiệu quả cao.

- Với tinh thần nhiệt huyết ham học hỏi của tuổi trẻ, Công ty thường xuyên tạo điều kiện, tiến cử nhân viên tham gia các khóa học nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, chứng chỉ phục vụ trong công tác quản lý và triển khai các đầu mục công việc tại Công ty.

f. Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

- Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng, trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên nhằm đánh giá đúng năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân trong Công ty, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả công việc.

Mức lương bình quân của người lao động Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Số lao động bình quân năm (người)	148	132
Mức lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	15,7	11,07

g. Chế độ phúc lợi

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp,... theo quy định hiện hành của pháp luật lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn

STT	DỰ ÁN	THÔNG TIN DỰ ÁN	TIẾN ĐỘ TÍNH ĐẾN 31/12/2025
1	Dự án nhà máy Vôi công nghiệp DLH	<p>Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK (Đổi tên từ Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH);</p> <p>Địa điểm xây dựng: Các lô CN4, CN6, CN20, Cụm Công nghiệp Phú Thứ, Kinh Môn, Hải Dương (nay là phường Nhị Chiểu, Thành phố Hải Phòng);</p> <p>Mục đích xây dựng: Nhà máy sản xuất Vôi công nghiệp;</p> <p>Mục tiêu dự án: Sản xuất vôi, dolomite nung công nghiệp từ đá vôi, đá dolomite; chế biến vôi cục, dolomite qua nung, các sản phẩm khác từ vôi, dolomite nung và cho thuê sân bãi, nhà xưởng nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường;</p> <p>Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vốn vay tín dụng;</p> <p>Quy mô của dự án: Dự án sản xuất vôi, dolomite nung công nghiệp từ đá vôi, đá dolomite với quy mô 320.000 tấn/năm; và kinh doanh chế biến vôi, dolomite nung, và các sản phẩm khác từ vôi, dolomite nung với quy mô 120.000 tấn/năm thông qua hợp đồng hợp tác, kinh tế, gia công chế biến với đơn vị sản xuất khác;</p> <p>Diện tích đất sử dụng: 37.942 m² (gồm lô đất số CN4, CN6 có diện tích 21.445 m²; lô đất CN20 có diện tích 16.497 m² và diện tích đường nội bộ) ; Hình thức sử dụng đất: Thuê đất trả tiền hàng năm</p>	<p>Giai đoạn 1: Hoàn thành các hạng mục công trình và lắp đặt máy móc thiết bị của các dây chuyền sản xuất vôi từ tháng 02/2017 đến tháng 10/2021 trên lô đất CN20- Thửa đất số 240 tờ bản đồ địa chính số 35, diện tích 16.497 m².</p> <p>Giai đoạn 2: Hoàn thành thủ tục giải phóng mặt bằng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên lô đất CN4, CN6 với diện tích 21.445 m².</p>

STT	DỰ ÁN	THÔNG TIN DỰ ÁN	TIẾN ĐỘ TÍNH ĐẾN 31/12/2025
		cho toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án;	
2	Dự án bến thủy nội địa DLH	<p>Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn Damik (Đổi tên từ Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH);</p> <p>Địa điểm xây dựng: Bãi ngoài đê sông Hàn Mẫu (K0+900 đến K1+166,5), phường Phú Thứ, Kinh Môn, Hải Dương (nay là phường Nhị Chiểu, Thành phố Hải Phòng).</p> <p>Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng bến thủy nội địa phục vụ bốc xếp, tập kết hàng hóa của các dự án trong Cụm công nghiệp Phú Thứ và khu vực lân cận.</p> <p>Quy mô dự án: 800.000 tấn/năm;</p> <p>Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vốn vay tín dụng;</p> <p>Tổng mức đầu tư tạm tính: 19.920 triệu VND;</p> <p>Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 27 tháng 4 năm 2059;</p> <p>Diện tích đất sử dụng: 21.532 m². Trong đó, diện tích đất xin thuê 6.888,0 m² và Diện tích đất lưu không: 14.644 m²; Hình thức sử dụng đất: Từ năm 2025, thuê đất trả tiền hàng năm cho toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án;</p> <p>Tiến độ thực hiện dự án: Xây dựng hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động trước ngày 30 tháng 06 năm 2026.</p>	<p>Giai đoạn 1: Hoàn thành giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng hoàn thành trên phần diện tích 14.101,6 m² và đưa vào hoạt động từ tháng 12/2021.</p> <p>Giai đoạn 2: Hoàn thành thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích còn lại</p>

b. Các công ty con, công ty liên kết

STT	Tên công ty liên kết	Mã số thuế	Hoạt động kinh doanh	Trụ sở chính	Người đại diện	Tỷ lệ biểu
-----	----------------------	------------	----------------------	--------------	----------------	------------

			chính		quản lý cổ phần	quyết
1	Công ty cổ phần Chế biến khoáng sản Sơn Thịnh	0800844002	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao. Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa	Khu Nhất Sơn, phường Nguyễn Đại Năng, thành phố Hải Phòng	Ông Lê Quý Sơn	48%

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	2024	2025	(+/-)%
1	Tổng giá trị tài sản	291.919.765.101	255.257.082.860	-12,56%
2	Doanh thu thuần	337.476.828.764	211.269.550.288	-37,40%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	18.877.272.581	422.665.578	-97,76%
4	Lợi nhuận khác	(72.789.831)	127.625.305	275,30%
5	Lợi nhuận trước thuế	18.804.482.750	550.290.883	-97,07%
6	Lợi nhuận sau thuế	15.464.255.567	414.521.370	-97,32%
7	EPS	1076	29	-97,30%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK)

- Về quy mô tổng tài sản của Công ty, năm 2025 giá trị tổng tài sản của Công ty đạt mức 255 tỷ đồng, giảm 12,56 % so với năm 2024.

- Doanh thu thuần của Công ty đạt 211 tỷ đồng, giảm 37,4 % so với năm 2024. Nguyên nhân là do sản lượng bán hàng năm 2025 giảm 77.920,68 tấn tương ứng mức giảm 35,2%. Trong khi sản lượng bán hàng và sản lượng sản xuất đều giảm từ 35-38% nhưng chi phí quản lý doanh nghiệp chỉ giảm 1,3 tỷ VNĐ tương ứng mức giảm 14,9%, chi phí hoạt động tài chính giảm 2,6 tỷ VNĐ tương ứng mức giảm 28,7%, do có những khoản chi phí gần như cố định hàng tháng không phụ thuộc vào sản lượng sản xuất và tiêu thụ, làm cho lợi nhuận sau thuế năm 2025 giảm 97,32% so với năm 2024 và đạt mức 0,41 tỷ đồng

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	2024	2025
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,83	0,95
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,59	0,75
Hệ số nợ/tổng tài sản	lần	0,42	0,34
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	0,73	0,51
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	vòng	10,06	7,95
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần	1,15	0,77
Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	4,48	1,96
Hệ số lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân	%	9,61	0,25
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5,25	0,15
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/DTT	%	5,59	0,2
Thu nhập trên vốn cổ phần (EPS)	đồng/cổ phiếu	1.076	29

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK)

❖ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

- Trong năm 2025, chỉ số về thanh toán ngắn hạn của Công ty gần như không có sự thay đổi. Chỉ số thanh toán ngắn hạn năm 2025 là 0,95 lần, trong khi đó của năm 2024 là 0,83 lần. Hệ số thanh toán ngắn hạn vẫn được ở mức dưới 1 thể hiện nguồn tài sản ngắn hạn của Công ty chưa đáp ứng đủ nghĩa vụ phải trả cho các khoản nợ ngắn hạn.

❖ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

- Cơ cấu vốn nợ/tổng tài sản và cơ cấu vốn nợ/vốn chủ sở hữu có sự giảm đáng kể trong năm 2025. Điều này thể hiện chiều hướng chuyển biến ngày càng tích cực trong cơ cấu vốn. Phần lớn tài sản của Công ty được tài trợ bằng vốn chủ sở hữu, Công ty vẫn đang duy trì có khả năng thanh toán được bằng việc sử dụng các tài sản sẵn có của mình. Tuy nhiên, việc tỷ số nợ/ tổng tài sản và tỷ số nợ/vốn chủ sở hữu nhỏ hơn 1 cũng một phần thể hiện Công ty chưa tận dụng tối đa từ nguồn vốn vay để phát triển kinh doanh. Hệ số nợ/tổng tài sản năm 2025 là 0,34 lần và năm 2024 là 0,42 lần.

❖ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

- Vòng quay hàng tồn kho năm 2025 của Công ty là 7,95 vòng, giảm đáng kể so với năm 2024 là 10,06 vòng.

❖ **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**

- Nhìn chung, tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA) và tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) của công ty năm 2025 đạt lần lượt 0,15 và 0,25 lần. Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu của công ty năm 2025 là 29 đồng/cổ phần.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tính đến 31/12/2025)

a. Cổ phiếu

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 14.375.000 cổ phiếu
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 14.375.000 cổ phiếu
- + Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Trong đó:
- + Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 14.375.000 cổ phiếu
- + Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 31/12/2025

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài			
1	Trong nước	105	14.375.000	100
1.1	Nhà nước	0	0	0
1.2	Tổ chức	02	7.975.000	55,48
1.3	Cá nhân	103	6.400.000	44,58
2	Nước ngoài	0	0	0
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
2.2	Cá nhân	0	0	0
	Tổng cộng	0	0	0
II	Cổ đông lớn, cổ đông khác			
1	Cổ đông lớn	3	12.769.200	88,83
2	Cổ đông khác	102	1.605.800	11,17
	Tổng cộng		14.375.000	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK)

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty: 49%

c. Quá trình góp vốn, tăng vốn kể từ thời điểm thành lập

Từ khi thành lập công ty cổ phần (23/10/2008) đến nay, Công ty đã thực hiện 11 lần tăng vốn từ 2,5 tỷ đồng lên 143,75 tỷ đồng. Chi tiết quá trình tăng vốn được trình bày trong bảng dưới đây:

TT	Thời gian	VĐL sau khi tăng (tỷ đồng)	Đối tượng chào bán	Đơn vị cấp
1	23/10/2008	2,5	Cổ đông sáng lập	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
2	20/03/2010	8	Cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
3	28/02/2012	10	Cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
4	08/03/2012	24	Cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
5	04/08/2016	41	Cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
6	12/08/2019	71	Cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
7	30/06/2020	77	Cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư

TT	Thời gian	VĐL sau khi tăng (tỷ đồng)	Đối tượng chào bán	Đơn vị cấp
				tỉnh Hải Dương
8	30/11/2020	92	Cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
9	22/12/2021	100	Cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
10	18/03/2022	115	Cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương
11	07/06/2022	143,75	Cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư khác	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK)

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK không có ghi nhận giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2025.

e. Các chứng khoán khác

Trong năm 2025, Công ty không phát hành các chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường

a. Môi trường không khí

❖ Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ nguồn đường

Để giảm thiểu sự ô nhiễm gây ra do khí thải của các phương tiện giao thông vận tải, Công ty áp dụng các biện pháp sau đây:

- Không chuyên chở hàng hoá vượt trọng tải quy định của xe.
- Trên dọc tuyến đường vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu thường xuyên được che bạt; tưới nước (nhất là vào mùa khô) trong phạm vi nhà máy. Các phương tiện vận tải chứa trong thùng kín và bắt buộc phải có bạt che chắn.
- Hàng ngày vệ sinh sân đường nội bộ trong nhà máy để giảm thiểu phát tán bụi. Tiến hành quét dọn, thu hồi bụi liệu rơi vãi sau mỗi ca sản xuất trong khu vực nhà máy.
- Công ty sẽ cho người thực hiện công tác tưới nước hàng ngày nhằm giảm lượng bụi trong không khí, số lần tưới là 1-2 lần/ngày.
- Khi các xe ô tô sau khi bố trí vị trí neo đậu phải tắt động cơ để giảm phát thải khí và bụi.

❖ *Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ các công đoạn sản xuất*

Công ty đã áp dụng các biện pháp xử lý khí thải trước khi thải ra môi trường gồm:

- Hệ thống xử lý bụi + khí thải lò nung 1&2 gồm cyclone và lọc bụi túi vải 30.000m³/h
- Hệ thống xử lý bụi khu vực tiếp liệu lò nung 1&2 gồm lọc bụi túi vải 10.000m³/h.
- Hệ thống xử lý bụi khu vực ra vôi lò nung 1&2 gồm lọc bụi túi vải 10.000m³/h
- Hệ thống xử lý bụi + khí thải lò nung 3 gồm cyclone và lọc bụi túi vải 30.000m³/h
- Hệ thống xử lý bụi + khí thải lò nung 4 gồm cyclone và lọc bụi túi vải 30.000m³/h
- Hệ thống xử lý bụi + khí thải lò nung 5 gồm lọc bụi túi vải 20.000m³/h
- Hệ thống xử lý bụi khu vực ra vôi lò nung 3+4+5 gồm lọc bụi túi vải 10.000m³/h
- Hệ thống xử lý bụi dây chuyền hydrat

Công ty thực hiện quan trắc môi trường định kỳ 3 tháng/lần để kiểm soát các thông số ô nhiễm đảm bảo quy chuẩn trước khi thải ra môi trường

b. Kiểm soát tiếng ồn, độ rung

Công ty áp dụng các biện pháp nhằm kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn, độ rung cụ thể như sau:

- Nhà xưởng và hệ thống máy móc sản xuất đảm bảo độ ồn và rung động đạt quy chuẩn cho phép và đảm bảo khả năng cách âm giữa khu vực sản xuất với các khu vực bên ngoài.
- Che chắn nhà xưởng để làm giảm độ ồn ra môi trường xung quanh, kiểm tra định kỳ các thiết bị, hệ thống bằng cách bảo dưỡng, bôi trơn.
- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị.
- Đơn vị có chế độ bảo dưỡng máy móc thường xuyên, chống mòn các chi tiết quay, gây ồn. Chi tiết hỏng do mòn, rỉ sẽ được thay thế kịp thời.

The company implements the following measures to control noise and vibration pollution:

c. Tác động do nước thải

❖ *Đối với nước thải sinh hoạt: Công ty đã lắp đặt hệ thống xử lý gồm*

- Công trình xử lý nước thải sơ bộ:
 - + Công ty đã xây dựng 02 bể phốt có tổng dung tích 9,096 m³ (bể phốt khu vực văn phòng: 5,096 m³; bể phốt khu vực vệ sinh công nhân: 4 m³, để xử lý sơ bộ nước thải từ các nhà vệ sinh.
 - + Công ty đã xây dựng 01 bể tách dầu mỡ có dung tích 3,5 m³ để xử lý sơ bộ nước thải nhà ăn.
- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:
 - + Tóm tắt sơ đồ quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → bể trung chuyển → Bể yếm khí 1,2 → Bể hiếu khí 1,2 → Bể lắng, khử trùng → Mương thoát nước chung của khu vực.

❖ *Đối với nước mưa chảy tràn*

- Đối với nước mưa trên mái nhà: lắp đặt hệ thống máng thu xung quanh mái nhà xưởng, khu văn phòng, xung quanh xưởng lắp đặt ống đứng thu gom dẫn nước từ mái nhà xuống cống thu nước mặt.
- Đối với nước mưa chảy tràn bề mặt nền: xây dựng một hệ thống đường thoát nước mưa chạy

ngầm quanh các nhà xưởng để thu toàn bộ nước mưa chảy tràn bề mặt và nước mưa từ các ống đứng thu nước mái chảy xuống.

- Bố trí các hố ga tại các vị trí ngoặt trên tuyến mương thu gom để thu cạn
- Kiểm tra định kỳ 6 tháng/lần nạo vét cạn lắng ở các hố ga, khơi thông cống thoát nước mưa, không để chất thải sản xuất xâm nhập vào đường ống thoát nước gây tắc nghẽn.

d. Tác động do chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

❖ Đối với chất thải rắn sinh hoạt

Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp thu gom và xử lý như sau:

- Đặt các thùng chứa rác trong văn phòng, khu chế biến thức ăn, các hành lang của khu hành chính trong công ty và khu vực nhà ăn để thu gom rác thải phát sinh.
- Tổ chức công nhân thực hiện quét dọn vệ sinh cuối ngày, thu gom rác thải. Tất cả các nguồn thải này sẽ được tập trung lại kho lưu chứa tạm thời rác sinh hoạt của Công ty.
- Công ty tiếp tục hợp đồng với đơn vị cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường Phú Thứ thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt đến nơi quy định đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường với tần suất 2 ngày/lần.
- Định kỳ hút bỏ bùn cặn bể phốt (6 tháng/lần) và đưa đi xử lý như chất thải rắn thông thường theo đúng quy định hiện hành.

❖ Đối với chất thải rắn sản xuất

- Các biện pháp sẽ được áp dụng như sau/
 - + Hỗn hợp vôi bột và xỉ than phát sinh tại các vị trí hệ thống lọc bụi được thu gom vào kho sau đó bán cho đơn vị thu mua có nhu cầu sử dụng.
 - + Đối với những loại chất thải không thể tái chế (dụng cụ lao động hỏng không dính thành phần nguy hại,...) được thu gom và đưa đi xử lý cùng với chất thải rắn nguy hại theo hợp đồng
 - + Vỏ bao: bán lại cho các đơn vị tái chế
 - + Xây dựng kho chất thải công nghiệp thông thường diện tích 30m² để lưu trữ tạm thời các chất thải trên.

❖ Đối với chất thải nguy hại

- Xây dựng kho chứa chất thải nguy hại 20m², trong kho dán nhãn, biển cảnh báo theo quy định.
- Bố trí thùng chứa tương ứng với từng loại chất thải, có nắp đậy và ghi rõ tên chất thải ở bên ngoài thùng chứa.
- Nước thải phòng thí nghiệm được chứa trong thùng chứa riêng; được đậy kín.
- Cuối mỗi ngày công nhân vệ sinh sẽ thu gom chất thải nguy hại đưa về kho lưu chứa chất thải nguy hại.

- Công ty đã ký hợp đồng với Công ty môi trường An Sinh có chức năng định kỳ 6 tháng đến thu gom và đem đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty là các loại đá vôi, than ... được sử dụng trong quá trình sản xuất vôi công nghiệp. Tổng số lượng nguyên vật liệu tiêu thụ của Công ty trong năm như sau:

Nguyên liệu tiêu thụ	Đơn vị	Số lượng
Đá CaO	Tấn	174.492,03
Đá Dolomite	Tấn	67.635,87
Than	Tấn	18.144,48

6.3. Tiêu thụ năng lượng

Tình hình tiêu thụ các loại dầu, mỡ của Công ty trong năm như sau:

Nguyên liệu tiêu thụ	Đơn vị	Số lượng
Dầu mỡ	Lít	195.806

6.4. Tiêu thụ điện

Công ty luôn ý thức việc sử dụng tiết kiệm điện năng theo chương trình mục tiêu Quốc gia về tiết kiệm năng lượng đồng thời cũng để cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp.

Năng lượng tiêu thụ (kWh)	Thành tiền - chi phí (đồng) (VAT 10%)	Nguồn cung cấp
3.022.442	6.354.385.424	Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương – Tổng Công ty điện lực miền Bắc

6.5. Tiêu thụ nước

Nguồn nước của Công ty sau khi sử dụng xong được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường.

Khối lượng (m³)	Thành tiền - chi phí (đồng) (VAT 5%)	Nguồn cung cấp
8,934	135,694,230	Công ty Cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương

6.6 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty được cấp Giấy phép môi trường số: 2777/GPMT-UBND ngày 19/10/2022 cơ quan cấp: UBND tỉnh Hải Dương. Tất cả các công trường thi công của Công ty không để các vi phạm xảy ra, phần đầu không để các cơ quan quản lý nhà nước phải xử phạt vi phạm. Trong năm 2025, Công ty không bị phạt vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.7. Chính sách liên quan đến người lao động

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 124 người. Mức lương bình quân người lao động trong năm 2025 là 11.070.000 đồng/người/tháng. Công ty luôn tuân thủ các quy định của Luật Lao động, bảo đảm chế độ cho người lao động trong Công ty. Người lao động trong Công ty cũng luôn được tạo điều kiện để học tập, đào tạo nâng cao tay nghề. Hàng năm, Công ty thường xuyên tiến cử nhân viên tham gia các khóa học về nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, chứng chỉ phục vụ trong công tác quản lý và triển khai các đầu mục công việc tại Công ty.

6.8 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vôi, dolomite và các sản phẩm từ vôi. Công ty luôn cố gắng tạo ra các sản phẩm chất lượng, nhằm phục vụ cho các ngành công nghiệp sản xuất, khai thác và trồng trọt. Ngoài ra Công ty luôn định hướng sử dụng vôi cho các ngành công nghiệp bảo vệ môi trường như sử dụng vôi ngâm nước cho việc xử lý nước thải, hoặc điều chỉnh nồng độ pH trong nước,...

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về tình hình mọi mặt của Công ty

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	TH/KH
1	Doanh thu thuần	302	211,27	69,96%
2	Lợi nhuận sau thuế	7,2	0,41	5,69%
3	Cổ tức	-	-	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK)

Năm 2025, kinh tế Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ với GDP ước đạt khoảng 8,0 – 8,02 %, vượt mục tiêu đề ra và cao hơn phần lớn các nước trong khu vực, nhờ sản xuất, dịch vụ và xuất khẩu phục hồi vững, lạm phát kiểm soát tốt và thương mại mở rộng⁵. Trong khi đó, kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng nhưng ở mức khiêm tốn với dự báo GDP toàn cầu khoảng 2,4 – 2,5 %, chịu sức ép từ lạm phát, chính sách thương mại và bất ổn địa chính trị. Bối cảnh quốc tế còn thể hiện sự phân hóa mạnh giữa các nền kinh tế phát triển (tăng trưởng chậm) và các thị trường mới nổi, khiến xu hướng thương mại và dòng vốn toàn cầu biến động khó lường. Đối với Việt Nam, dù nền kinh tế đã phục hồi kiên cường, vẫn tồn tại thách thức về cải cách thể chế, nội lực doanh nghiệp và phụ thuộc vào môi trường thương mại toàn cầu trong dài hạn.⁶

Trong tình hình đó, doanh thu thuần năm 2025 của Công ty thực hiện đạt 211,27 tỷ đồng, đạt 69,96% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế là 0,41 tỷ đồng, đạt 5,69% kế hoạch.

⁵ <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2026/01/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2025/>

⁶ <https://vneconomy.vn/kinh-te-viet-nam-10-thang-2025-on-dinh-vi-mo-vung-chac-huong-toi-tam-giac-chien-luoc-phat-trien-moi.htm>

2. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính năm 2025 của Công ty có xu hướng phục hồi và tăng trưởng tương đối ấn tượng. Để đạt được kết quả như vậy, Ban điều hành đã rất nỗ lực trong việc duy trì tình hình tài sản và nguồn vốn tài chính giữ ở mức lành mạnh tuy nhiên vẫn không thể tránh được những biến động trong ngắn hạn.

a. Tình hình tài sản

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024	Tại 31/12/2025	Tăng, giảm (%)
Tài sản ngắn hạn	95.927.282.910	82.150.835.140	-14,36%
Tài sản dài hạn	195.992.482.191	173.106.247.720	-11,68%
Tổng cộng	291.919.765.101	255.257.082.860	-12,56%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK)

Tổng tài sản năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK đạt 255 tỷ đồng, giảm 12,56% so với năm 2024. Tài sản của Công ty chủ yếu là tài sản dài hạn, chiếm 67,84% tổng tài sản. Đóng góp chủ yếu là tài sản cố định, chiếm 50,29% tổng tài sản dài hạn. Đối với tài sản ngắn hạn, cơ cấu tài sản ngắn hạn chủ yếu đến từ các nguồn phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho, lần lượt chiếm 66,75 % và 25,46 % tài sản ngắn hạn.

b. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	Tăng, giảm (%)
Nợ ngắn hạn	115.644.199.188	81.966.995.577	-29,12%
Nợ dài hạn	7.670.000.000	4,270,000,000	-44,33%
Tổng cộng	123.314.199.188	86.236.995.577	-30,07%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK)

Tổng nợ phải trả năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK giảm 30,07% so với năm 2024, ghi nhận tổng giá trị là 86.236.995.577 đồng. Cơ cấu nợ bao gồm 95,05% nợ ngắn hạn và 4,95% nợ dài hạn, với giá trị nợ ngắn hạn là 81.966.995.577 đồng và giá trị nợ dài hạn là 4.270.000.000 đồng. Ngoài ra, công ty không có nợ quá hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng theo hướng tinh, gọn và phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp. Chính sách quản lý được xây dựng đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm tối đa chi phí cũng như đảm bảo chất lượng công trình, sản phẩm của Công ty.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch
1	Doanh thu	230
2	Lợi nhuận sau thuế	4,96
3	Tỷ lệ cổ tức (%)	-

❖ Giải pháp thực hiện

- Đồng bộ hóa năng lực thiết bị các dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng công trình, xây dựng uy tín trên thị trường;
- Luôn tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng mức cao nhất;
- Trở thành một đơn vị được tin cậy trong lĩnh vực sản xuất vôi công nghiệp;
- Phát triển đi cùng trách nhiệm với cộng đồng, hướng đến phát triển bền vững;
- Nâng cao năng lực quản lý, sản xuất tại nhà máy, nâng cao năng suất, tiến độ, chất lượng, giảm chi phí, tăng lợi nhuận;
- Tiếp tục đẩy nhanh hơn nữa tiến độ giao hàng cho các đối tác;
- Đầu tư về con người, tổ chức, cho cán bộ chủ chốt theo học các lớp nâng cao nghiệp vụ.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình vì ý kiến kiểm toán đối với BCTC năm 2025 được kiểm toán của Công ty là ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty ngày càng cải thiện các hoạt động đầu tư, đảm bảo các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...) hợp lý phù hợp với tiêu chuẩn cho phép trong lĩnh vực sản xuất vôi công nghiệp.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Người lao động làm việc tại Công ty được đảm bảo mức thu nhập phù hợp với mặt bằng chung của xã hội, được trang bị thiết bị làm việc đầy đủ.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Với sự cải tiến và lao động không ngừng nghỉ, các sản phẩm vôi như vôi nung, vôi hydrat hóa...& dolomite của công ty đem lại nhiều giá trị cho ngành công nghiệp như: luyện kim, công nghiệp khai khoáng, sản xuất giấy, thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản... trong quá trình sản xuất, khai thác và trồng trọt.

Ngoài ra công ty còn tham gia các hoạt động quyên góp ủng hộ tại địa phương như tặng quà tết cho hộ nghèo phường Phú Thứ, ủng hộ thị xã lên đô thi loại 3, ủng hộ trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật phường Phú Thứ....

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Kinh tế – xã hội Việt Nam năm 2025 tiếp tục đà phục hồi và đạt tăng trưởng ấn tượng, với GDP ước đạt khoảng trên 8%, quy mô kinh tế mở rộng vượt mốc 514 tỷ USD và GDP bình quân đầu người tăng lên hơn 5.000 USD, phản ánh sự cải thiện rõ nét về năng lực sản xuất, xuất khẩu và ổn định vĩ mô. Hoạt động sản xuất, dịch vụ duy trì đà tăng ổn định, lạm phát được kiểm soát tốt dưới mục tiêu đề ra, giúp đảm bảo đời sống người dân và hỗ trợ nhu cầu trong nước. Trong khi đó, kinh tế thế giới năm 2025 tăng trưởng ở mức vừa phải, với dự báo GDP toàn cầu khoảng 3,2 – 3,2 % trong bối cảnh nhiều bất ổn địa chính trị, áp lực lạm phát và chính sách thương mại bảo hộ. Trong năm 2025, Công ty phải đối mặt với diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế – chính trị – xã hội thế giới, khi nhiều xung đột và căng thẳng địa chính trị kéo dài như chiến sự Nga – Ukraine tiếp diễn và các điểm nóng khác trên thế giới, gây áp lực lên chuỗi cung ứng và thị trường tài chính toàn cầu. Những cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc, tiếp tục định hình các trật tự kinh tế – chính trị mới và làm gia tăng rủi ro bất ổn đối với doanh nghiệp toàn cầu. Đồng thời, chính sách bảo hộ thương mại, áp thuế trả đũa và rào cản thương mại gia tăng khiến thương mại quốc tế và chuỗi giá trị toàn cầu bị phân mảnh hơn, ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu và chiến lược phát triển của doanh nghiệp.

Trong bối cảnh đó, mặc dù các hoạt động kinh doanh của Công ty đang có xu hướng dần hồi phục, nhưng Ban điều hành vẫn luôn chủ động với những tình huống bất ngờ, với những kinh nghiệm thực tiễn và lợi thế về tiềm lực tài chính đã giúp Công ty hạn chế được những tổn thất và tạo tiền đề cho hoạt động kinh doanh năm 2025.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Năm 2025, HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo và giám sát đối với Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK thông qua việc:

- Thường xuyên tổ chức, chủ trì, đồng chủ trì, tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, cụ thể:

+Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị để giải quyết các công việc theo thẩm quyền;

+Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 vào ngày 25/04/2025 theo hình thức trực tiếp với 100% số lượng thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp;

+Tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ của Ban Tổng giám đốc Công ty.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. Trao đổi, làm rõ, yêu cầu giải trình đối với Ban Tổng giám đốc về việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; thực hiện phân cấp, phân định trách nhiệm rõ ràng giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phù hợp với quy định hiện hành.

- Khi tiếp cận các biên bản kiểm tra/báo cáo tổng hợp/các kiến nghị của Ban Kiểm soát Công ty, Hội đồng quản trị đã nghiên cứu và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc, các bộ phận có liên quan nghiêm túc lĩnh hội và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

- Xem xét và xử lý các Tờ trình, Báo cáo, đánh giá, các đề xuất/ kiến nghị của Ban Tổng giám đốc về hoạt động của Công ty theo đúng thẩm quyền.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh cho những năm tiếp theo, Hội đồng quản trị đã định hướng hoạt động cụ thể như sau:

- HĐQT luôn xem xét trách nhiệm tối cao của mình là đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, các hoạt động của HĐQT phải minh bạch, phải đặt quyền lợi của các cổ đông và sự phát triển của Công ty là trên hết;

- Thực hiện nghiêm túc Điều lệ và các Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty;

- Tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát và phối hợp với Tổng giám đốc Công ty và bộ máy quản lý trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT;

- Tiếp tục rà soát, kiểm tra và tổ chức thực hiện tốt hệ thống quy chế nội bộ Công ty một cách đồng bộ, hệ thống, sát thực tế, đáp ứng yêu cầu mới, phù hợp với các quy định hiện hành, làm cơ sở hành lang pháp lý nội bộ cho việc tổ chức và quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Sau khi đã đăng ký công ty đại chúng, năm 2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK đã áp dụng tuân thủ các quy định về quản trị công ty đại chúng ban hành tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu (%/vốn điều lệ)	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại các công ty khác
1	Đặng Đức Minh	Chủ tịch HĐQT	Cá nhân sở hữu 4.794.200 cổ phiếu, tương đương 33,35% vốn điều lệ	1. Chủ tịch HĐQT kiêm TGD tại Công ty Cổ phần Tập đoàn DLH HOLDINGS (Ngày

				<p>16/07/2025, ông Đặng Đức Minh đã bị miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc tại công ty)</p> <p>2. Chủ tịch HĐQT tại Công ty TNHH Vận tải DLH</p> <p>3. Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt (Ông Minh đã bị miễn nhiệm chức danh CT. HĐQT kể từ ngày 30/12/2025)</p> <p>4. Chủ tịch HĐQT tại Công ty TNHH MTV DLH Thanh Hóa</p> <p>5. Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp Trường Phúc (Công ty đã giải thể kể từ ngày 13/06/2025)</p> <p>6. Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Trường Lộc</p> <p>7. Chủ tịch HĐQT tại Công ty TNHH vận tải thủy DLH</p> <p>8. Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần chế biến Khoáng sản Sơn Thịnh (Ngày 23/12/2025, ông Minh đã bị miễn</p>
--	--	--	--	---

P. Đ. O.
K
446236

				nhiệm tư cách thành viên HĐQT)
2	Vũ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT không điều hành	Cá nhân sở hữu 703.800 cổ phiếu, tương đương 4,90% vốn điều lệ	<p>1. Thành viên HĐQT tại Công ty TNHH vận tải DLH</p> <p>2. Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần sản xuất bao bì Khánh An</p> <p>3. Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Tập đoàn DLH Holdings</p> <p>4. Thành viên HĐQT tại Công ty TNHH Vận tải thủy DLH</p> <p>5. Chủ tịch HĐQT tại công ty cổ phần Thương mại quốc tế An Phú Sơn</p>
3	Nguyễn Mạnh Trung	Thành viên HĐQT không điều hành	Cá nhân sở hữu 0 cổ phiếu, tương đương 0%	<p>1. Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tại Công ty Cổ phần Đầu Tư Phúc Trường Lộc</p> <p>2. Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Đầu Tư TND Global</p> <p>3. Tổng giám đốc tại Công ty Cổ phần Đầu Tư TND Holding</p> <p>4. Chủ tịch kiêm giám đốc công ty TNHH MTV Vôi</p>



				Việt Nam
4	Nguyễn Văn Hải	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc dự án đầu tư	Cá nhân sở hữu 200.200 cổ phiếu, tương đương 1,39% vốn điều lệ	<p>1. Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tại Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt</p> <p>2. Giám đốc tại Công ty Cổ phần chế biến khoáng sản Sơn Thịnh</p> <p>3. Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Phúc Trường Thịnh (Công ty đang làm thủ tục giải thể từ ngày 17/09/2025)</p> <p>4. Giám đốc đồng thời là chủ sở hữu Công ty TNHH Với công nghiệp Long Sơn</p> <p>5. Giám đốc tại Công ty TNHH với DLH Nghi Sơn (Công ty TNHH với DLH Nghi Sơn đã giải thể kể từ ngày 13/06/2025)</p>
5	Lê Quý Sơn	Thành viên HĐQT điều hành, kiêm Tổng giám đốc	Cá nhân sở hữu 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ	<p>1. Chủ tịch HĐQT CTCP Chế biến khoáng sản Sơn Thịnh</p> <p>2. Người đại diện quản lý cổ phần của CTCP Tập đoàn DamiK tại Công ty</p>

				<p>Cổ phần chế biến khoáng sản Sơn Thịnh</p> <p>2. Giám đốc công ty TNHH MTV DLH Thanh Hóa</p> <p>3. Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp Trường Phúc (Công ty đã giải thể kể từ ngày 13/06/2025)</p> <p>4. Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần DLH Holdings</p> <p>5. Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Phúc Trường Thịnh (Công ty đang làm thủ tục giải thể từ ngày 17/09/2025)</p> <p>6. Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư Phúc Trường Lộc</p>
--	--	--	--	--

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hiện nay, Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc. Trong tương lai, tùy thuộc vào nhu cầu quản trị và tình hình hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị sẽ nghiên cứu và cân nhắc thành lập các tiểu ban để giúp việc cho Hội đồng quản trị.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã quản lý và chỉ đạo điều hành Công ty tuân thủ theo đúng các quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và tổ chức triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đặng Đức Minh	17/17	100%	-
2	Ông Vũ Mạnh Hùng	17/17	100%	-
3	Ông Nguyễn Mạnh Trung	16/17	94,12 %	Bận việc cá nhân
4	Ông Nguyễn Văn Hải	17/17	100%	-
5	Ông Lê Quý Sơn	17/17	100%	-

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã họp thông qua các nội dung sau đây:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Nội dung cuộc họp	Ngày	Tỷ lệ thông qua
1	01/QĐ HĐQT	Thông qua việc đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (UpCOM).	15/01/2025	100%
2	02/QĐ HĐQT	Thông qua bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty.	14/02/2025	100%
3	03/QĐ HĐQT	Thông qua việc xây dựng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền 2025	18/02/2025	100%
4	04/QĐ HĐQT	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng thường niên năm 2025	10/03/2025	100%
5	05/QĐ HĐQT	Thông qua việc điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư – Dự án nhà máy với công nghiệp DLH và dự án Bến thủy nội địa..	26/03/2025	100%
6	06/QĐ HĐQT	Thông qua nội dung của các báo cáo và các tờ trình của HĐQT, ban Tổng giám đốc và ban kiểm soát tại đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của công ty.	04/04/2025	100%
7	07/QĐ HĐQT	Thông qua thiết kế và sử dụng mẫu dấu mới của Công ty cổ phần Tập đoàn DamiK.	07/05/2025	100%

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Nội dung cuộc họp	Ngày	Tỷ lệ thông qua
8	08/QĐ HĐQT	Thông qua ban hành quy chế công bố thông tin của công ty cổ phần tập đoàn DamiK, sửa đổi điều lệ của công ty, quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế hoạt động của hội đồng quản trị, ban kiểm soát..... theo ủy quyền tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2025.	08/05/2025	100%
9	09/QĐ HĐQT	Thông qua việc ký hợp đồng kiểm toán 6 tháng đầu năm và cả năm 2025.	13/06/2025	100%
10	10/QĐ HĐQT	Thông qua việc bãi bỏ chức danh Phó tổng giám đốc đồng thời bổ nhiệm chức danh Giám đốc sản xuất và Giám đốc dự án đầu tư.	13/06/2025	100%
11	11/QĐ HĐQT	Thông qua kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2025 Thông qua hạn mức giá trị hợp đồng giữa công ty và công ty TNHH thương mại phát triển L-D trong năm 2025	28/07/2025	100%
12	12/QĐ HĐQT	Thông qua thay đổi Logo và Website mới của công ty	28/07/2025	100%
13	13A/QĐ HĐQT	Thông qua việc miễn nhiệm Kế toán trưởng	01/10/2025	100%
14	13B/QĐ HĐQT	Thông qua việc bổ nhiệm Kế toán trưởng	01/10/2025	100%
15	14/QĐ HĐQT	Thông qua kế hoạch kinh doanh 12 tháng tiếp theo; cấp mới Giới hạn tín dụng, phương án vay vốn và phương án tài sản đảm bảo để thế chấp, cầm cố tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp Hải Dương.	07/10/2025	100%

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Nội dung cuộc họp	Ngày	Tỷ lệ thông qua
16	15/QĐ HĐQT	Thông qua việc nhận chuyển nhượng căn hộ chung cư kết hợp với lưu trú tại dự án Starcity Center	13/12/2025	100%
17	16/QĐ HĐQT	Thông qua nhận chuyển nhượng cổ phần tại công ty cổ phần chế biến khoáng sản Sơn Thịnh	17/12/2025	100%
18	18A/ QĐ HĐQT	Thông qua đối tượng và hạn mức giá trị Hợp đồng mua, bán hàng hóa, nguyên vật liệu, dịch vụ từ 01/01/2026 đến 31/12/2026	31/12/2025	100%
19	18B/ QĐ HĐQT	Thông qua đối tượng và hạn mức giá trị Hợp đồng mua, bán hàng hóa, nguyên vật liệu, dịch vụ với bên liên quan là tổ chức từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026	31/12/2025	100%

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Hiện tại, các thành viên Hội đồng quản trị chưa tham gia các khóa đào tạo để được cấp chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT No	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Ngày miễn nhiệm	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Phạm Thanh Nhân	Trưởng Ban kiểm soát	28/05/2022	-	Cá nhân sở hữu 3.000 cổ phiếu, tương đương 0,021% vốn điều lệ
2	Nguyễn Thị Huyền	Thành viên Ban kiểm soát	28/05/2022	-	Cá nhân sở hữu 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ
3	Phạm Thị Thu Hà	Thành viên Ban kiểm soát	28/05/2022	-	Cá nhân sở hữu 2.000 cổ phiếu, tương đương

STT No	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Ngày miễn nhiệm	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
					0,014% vốn điều lệ

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Phạm Thanh Nhân	3/3	100%	100%	-
2	Bà Nguyễn Thị Huyền	3/3	100%	100%	-
3	Bà Phạm Thị Thu Hà	3/3	100%	100%	-

BKS đã tiến hành kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc (BTGD) năm 2025 cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, BTGD trong năm 2025;
- Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HĐQT, BTGD về các vấn đề liên quan tới hoạt động của Công ty trong năm 2025;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 đối với HĐQT và BTGD;
- Thẩm tra báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá trung thực và hợp lý các số liệu tài chính.

Hội đồng quản trị/Ban Tổng Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát đã nhận được đầy đủ, kịp thời các tài liệu, nghị quyết, văn bản ... của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc liên quan đến việc thực hiện các công việc đã được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao do ĐHDCD thông qua (đồng)	Lương chức danh đang công tác (đồng)
I	Hội đồng quản trị			
1	Đặng Đức Minh	Chủ tịch HĐQT	0	0
2	Vũ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0
3	Nguyễn Mạnh Trung	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0
4	Nguyễn Văn Hải	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc dự án đầu tư	0	95.470.116
5	Lê Quý Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	0	242.744.615
II	Ban Kiểm soát			
1	Phạm Thanh Nhân	Trưởng Ban kiểm soát	0	0
2	Nguyễn Thị Huyền	Thành viên Ban kiểm soát	0	0
3	Phạm Thị Thu Hà	Thành viên Ban kiểm soát	0	0
III	Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng			
1	Lê Quý Sơn	Tổng Giám đốc	0	242.744.615
2	Bùi Văn Tuấn	Giám đốc sản xuất	0	196.968.693
3	Nguyễn Văn Hải	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc dự án đầu tư	0	95.470.116
4	Hoa Kim Dung	Kế toán trưởng (Đã miễn nhiệm kể từ	0	42.923.077

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao do ĐHĐCĐ thông qua (đồng)	Lương chức danh đang công tác (đồng)
		ngày 01/10/2025)		
5	Nguyễn Thị Luyện	Kế toán trưởng (Được bổ nhiệm kể từ ngày 01/10/2025)	0	23.721.154

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng....)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Văn Hải	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc dự án đầu tư	200.000 cổ phiếu	1,39%	200.200 cổ phiếu	1,39%	Tăng do mua thêm 200 cổ phiếu ngày 15/06/2025

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Công ty có hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ, thông tin như sau:

STT	Tên tổ chức	Mối quan hệ liên quan đến công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT,... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (chưa bao gồm VAT)
1	Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt	1. Ông Đặng Đức Minh là Chủ tịch HĐQT, đồng thời cổ đông lớn công ty cổ phần Đại Thịnh Việt (Ông Minh đã bị miễn nhiệm chức danh TV.HĐQT kể từ ngày	Nghị quyết số ĐHĐCĐ 01.2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ : 1.713.087.500 đồng Dư nợ phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2025:

		<p>30/12/2025)</p> <p>2. Ông Nguyễn Văn Hải là thành viên HĐQT kiêm Giám đốc, cổ đông công ty cổ phần Đại Thịnh Việt</p> <p>3. Bà Phạm Thanh Nhân là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn (Bà Nhân được bổ nhiệm làm CT.HĐQT kể từ ngày 30/12/2025) Công ty cổ phần Đại Thịnh Việt</p>		202.703.500 đồng
2	Công ty TNHH Vận tải DLH	<p>1. Ông Đặng Đức Minh là chủ tịch HĐQT công ty TNHH vận tải DLH</p> <p>2. Ông Vũ Mạnh Hùng là thành viên HĐQT công ty TNHH vận tải DLH</p>	<p>Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01.2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025</p>	<p>Mua hàng hóa, dịch vụ: 1.511.075.000 đồng</p> <p>Dư nợ phải trả người bán tại ngày 31/12/2025: 132.084.000 đồng</p>
3	Công ty cổ phần sản xuất bao bì Khánh An	<p>1. Vợ ông Đặng Đức Minh là chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc, cổ đông công ty cổ phần sản xuất bao bì Khánh an</p> <p>2. Ông Vũ Mạnh Hùng là thành viên HĐQT, cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Khánh An</p>	<p>Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01.2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025</p>	<p>Mua hàng hóa, dịch vụ : 290.450.000 đồng</p> <p>Dư nợ phải trả người bán tại ngày 31/12/2025: 0 đồng</p>
4	Công ty TNHH	1. Ông Đặng Đức Minh	Nghị quyết	Mua hàng hóa,

Vận tải thủy DLH	là chủ tịch HĐQT, thành viên góp vốn công ty TNHH vận tải thủy DLH 2. Ông Vũ Mạnh Hùng là thành viên HĐQT, thành viên góp vốn công ty TNHH vận tải DLH	ĐHĐCĐ số 01.2025/NQ- ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025	dịch vụ: 3.699.786.650 đồng Dư nợ trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2025: 250.084.832 đồng
------------------	--	---	---

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:

- Tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ về Công bố thông tin
- Định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông
- Áp dụng Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát bám sát theo Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị định 155/2020/NĐ – CP về hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư 116/2020/TT – BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP
- Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh. Qua đó giúp ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Chi tiết như báo cáo tài chính năm 2025 đã được đính kèm. Báo cáo tài chính công ty năm 2025 đã được kiểm toán được công bố trên website của Công ty tại địa chỉ: www.damik.com)

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- HĐQT;
- Website: damik.com;
- Lưu VT.

Hải Phòng, ngày .1. tháng 4 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Quý Sơn

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
DAMIK**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK
DN: C=VN, L=HẢI DƯƠNG,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP
ĐOÀN DAMIK,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0800462363
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location
here
Date: 2026.03.27 11:37:54+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.0.0

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thù, Phường Nhị Chiểu

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04-05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-34

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Đức Minh	Chủ tịch
Ông Vũ Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Lê Quý Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Quý Sơn	Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13/06/2025
	Giám đốc sản xuất	Bổ nhiệm ngày 13/06/2025
Ông Nguyễn Văn Hải	Giám đốc dự án đầu tư	Bổ nhiệm ngày 13/06/2025

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thanh Nhân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Hà	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thù, Phường Nhị Chiểu
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Quý Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 03 năm 2026

Số tham chiếu: 2503.01-26/BC-TC/VAEHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2026, và được trình bày từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 120325.002/BCTC.KT7 ngày 12 tháng 3 năm 2025 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Quang Trung

Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 1938-2023-034-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Bùi Trần Việt

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 1485-2023-034-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		82.150.835.140	95.927.282.910
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.457.997.399	4.773.345.890
1. Tiền	111		5.457.997.399	4.773.345.890
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.808.473.981	62.151.725.846
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	40.297.842.457	55.954.299.500
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	11.273.310.664	5.698.905.486
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	8.708.800.000	5.970.000.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(5.471.479.140)	(5.471.479.140)
IV. Hàng tồn kho	140	11	20.945.908.060	28.228.182.759
1. Hàng tồn kho	141		20.945.908.060	28.228.182.759
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		938.455.700	774.028.415
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	938.455.700	613.741.461
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	59.404.474
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	-	100.882.480
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		173.106.247.720	195.992.482.191
II. Tài sản cố định	220		87.170.178.493	110.209.087.115
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	87.024.247.044	110.209.087.115
- Nguyên giá	222		244.545.066.265	244.235.251.285
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(157.520.819.221)	(134.026.164.170)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	145.931.449	-
- Nguyên giá	228		168.382.441	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(22.450.992)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	12	28.956.467.651	26.198.629.597
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		28.956.467.651	26.198.629.597
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	3.600.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.600.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		53.379.601.576	59.584.765.479
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	53.379.601.576	59.584.765.479
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		255.257.082.860	291.919.765.101

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		86.236.995.577	123.314.199.188
I. Nợ ngắn hạn	310		81.966.995.577	115.644.199.188
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	1.214.594.833	3.467.770.380
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	101.087.480
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	658.646.933	3.349.168.940
4. Phải trả người lao động	314		752.950.705	2.709.874.502
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	640.583.739	270.408.227
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	265.212.757	177.895.155
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	78.435.006.610	105.567.994.504
II. Nợ dài hạn	330		4.270.000.000	7.670.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	4.270.000.000	7.670.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		169.020.087.283	168.605.565.913
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	169.020.087.283	168.605.565.913
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		143.750.000.000	143.750.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		143.750.000.000	143.750.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.250.625.000	1.250.625.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.019.462.283	23.604.940.913
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		23.604.940.913	8.140.685.346
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		414.521.370	15.464.255.567
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		255.257.082.860	291.919.765.101


Nguyễn Thị Luyện
Người lậpNguyễn Thị Luyện
Kế toán trưởngLê Quý Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 03 năm 2026


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025


Mẫu số B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	211.306.238.888	337.476.828.764
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		36.688.600	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		211.269.550.288	337.476.828.764
4. Giá vốn hàng bán	11	24	195.492.023.018	298.204.453.353
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		15.777.527.270	39.272.375.411
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	30.115.745	121.288.848
7. Chi phí tài chính	22	26	6.490.502.992	9.102.791.132
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.488.779.312	9.084.156.904
8. Chi phí bán hàng	25	27	1.358.173.865	2.560.321.877
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	7.536.300.580	8.853.278.669
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		422.665.578	18.877.272.581
11. Thu nhập khác	31		506.515.548	6.858.924
12. Chi phí khác	32		378.890.243	79.648.755
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		127.625.305	(72.789.831)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		550.290.883	18.804.482.750
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	135.769.513	3.340.227.183
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		414.521.370	15.464.255.567
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	29	1.076


Nguyễn Thị Luyen
Người lập


Nguyễn Thị Luyen
Kế toán trưởng


Lê Quý Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		550.290.883	18.804.482.750
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		23.517.106.043	23.814.756.730
- Các khoản dự phòng	03		-	1.641.443.742
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(15.710.196)	(94.084.747)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.196.525)	(5.439.109)
- Chi phí lãi vay	06		6.488.779.312	9.084.156.904
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		30.536.269.517	53.245.316.270
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.802.338.819	(19.048.437.171)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.282.274.699	(1.740.704.054)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.313.416.479)	6.703.534
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		7.124.899.610	5.076.012.148
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.515.120.880)	(9.155.348.831)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.340.227.183)	(769.759.726)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(298.800.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39.278.218.103	27.613.782.170
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.480.485.421)	(12.728.846.089)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	130.200.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.600.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.196.525	5.439.109
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.076.288.896)	(12.593.206.980)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		190.939.591.223	154.020.185.821
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(221.472.579.117)	(177.393.883.249)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(30.532.987.894)	(23.373.697.428)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		668.941.313	(8.353.122.238)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.773.345.890	13.032.776.501
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		15.710.196	93.691.627
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	5.457.997.399	4.773.345.890



Nguyễn Thị Luyện
Người lập



Nguyễn Thị Luyện
Kế toán trưởng



Lê Quý Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0800462363 do Sở Tài chính tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 05 tháng 05 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 143.750.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 143.750.000.000 đồng; tương đương 14.375.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK chính thức lên sàn Upcom vào ngày 22 tháng 04 năm 2025:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK.
- Mã cổ phiếu: DKG;
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu thông thường;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/Cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu lưu hành: 14.375.000 Cổ phiếu.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh vôi, dolomite.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất vôi, dolomite;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Xuất nhập khẩu các sản phẩm từ vôi, dolomite;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm từ đá vôi, dolomite.

Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2025 là 124 người (tại ngày 31/12/2024 là 142 người)

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành /hoặc chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	4.682.473.033	3.934.271.074
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	775.524.366	839.074.816
	5.457.997.399	4.773.345.890

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	3.600.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Sơn Thịnh	3.600.000.000	-	-	-
	3.600.000.000	-	-	-

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2025 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Sơn Thịnh	Khu Nhất Sơn, P. Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng	48,00%	48,00%	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Bốc xếp hàng hóa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong năm: xem chi tiết tại Thuyết minh số 33.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2025		01/01/2025	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu từ bán hàng hóa, thành phẩm	40.297.842.457	(159.899.140)	55.954.299.500	(159.899.140)
	40.297.842.457	(159.899.140)	55.954.299.500	(159.899.140)

Trong đó:

Các khoản phải thu khách hàng	40.095.138.957	55.036.086.740
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 33.</i>)	202.703.500	918.212.760
	40.297.842.457	55.954.299.500

Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn khác chiếm trên 10% tổng phải thu khách hàng ngắn hạn:

	31/12/2025		01/01/2025	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần DLH Global	31.307.516.480	-	44.434.590.316	-
Công ty TNHH Thương mại Phát triển L-D	5.124.388.180	-	1.303.115.064	-
	36.431.904.660	-	45.737.705.380	-

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Bùi Đức	515.852.166	-	2.602.353.400	-
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HT HD	4.410.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Giao thông Thủy lợi Giang Sơn	1.770.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Nguyên liệu Thiên Sơn	1.065.978.600	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Victory Việt Nam	811.580.000	(811.580.000)	811.580.000	(811.580.000)
Trả trước khác	2.699.899.898	-	2.284.972.086	-
	11.273.310.664	(811.580.000)	5.698.905.486	(811.580.000)

Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	250.084.832	-	457.149.920	-
--	--------------------	----------	--------------------	----------

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ký cược, ký quỹ ⁽¹⁾	1.768.800.000	-	1.470.000.000	-
Phải thu Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng ⁽²⁾	4.500.000.000	(4.500.000.000)	4.500.000.000	(4.500.000.000)
Phải thu khác ⁽³⁾	2.440.000.000	-	-	-
	8.708.800.000	(4.500.000.000)	5.970.000.000	(4.500.000.000)

(1) Bao gồm:

- Khoản tiền đảm bảo thực hiện dự án Nhà máy với công nghiệp DLH, Công ty nộp cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương theo Thỏa thuận bảo đảm thực hiện dự án đầu tư số 29 ngày 01/04/2023, số tiền 1.470.000.000 đồng;
- Khoản tiền đảm bảo thực hiện dự án Bến thủy nội địa, Công ty nộp cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương theo Thỏa thuận bảo đảm thực hiện dự án đầu tư số 3464/KQ ngày 27/05/2025, số tiền 298.800.000 đồng;

(2) Khoản phải thu về hợp tác kinh doanh của Công ty với Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng, chuẩn bị cho việc ký và thực hiện hợp đồng liên doanh khai thác đá tại núi Thùm Thùm, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng (nay là phường Bạch Đằng, Thành phố Hải Phòng). Trong năm 2019 và 2020, Công ty thay mặt Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng nộp vào NSNN số tiền 3.647.714.000 VND theo Hợp đồng đặt cọc số 01/2020/HDDC ngày 19/12/2020. Tuy nhiên đến cuối năm 2021, Công ty và Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng thống nhất không tiếp tục thực hiện việc hợp tác kinh doanh, do đó Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ số tiền này cho Công ty. Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty và Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng vẫn đang tiếp tục làm việc để thống nhất phương án thanh toán và chấm dứt việc hợp tác kinh doanh.

(3) Khoản phải thu tiền đặt cọc và tiền phạt vi phạm do không thực hiện hợp đồng chuyển nhượng căn hộ văn phòng kết hợp lưu trú theo Hợp đồng đặt cọc ngày 15/12/2025 và Thanh lý hợp đồng đặt cọc ngày 27/12/2025.

10 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng				
Công ty CP Vật liệu Công nghệ Cao Kim Nam	159.899.140	-	159.899.140	-
Trả trước cho người bán				
Công ty TNHH Đầu tư Victory Việt Nam	811.580.000	-	811.580.000	-
Phải thu khác				
Công ty TNHH Phụ gia Hải Phòng	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-
	5.471.479.140	-	5.471.479.140	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***11 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	999.605.694	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	9.794.844.655	-	15.221.429.871	-
Công cụ, dụng cụ	414.734.018	-	428.437.915	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.176.234.053	-	2.159.012.377	-
Thành phẩm	6.621.742.040	-	10.419.302.596	-
Hàng hoá	938.747.600	-	-	-
	20.945.908.060	-	28.228.182.759	-

12 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	28.654.179.651	24.954.179.651
Dự án Nhà máy Vôi Công nghiệp DLH ⁽¹⁾	209.263.500	209.263.500
Dự án Bến thủy Nội địa DLH ⁽²⁾	28.444.916.151	24.744.916.151
Mua sắm tài sản cố định	302.288.000	-
Xây dựng hệ thống PCCC	302.288.000	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	1.244.449.946
Chế tạo kết cấu thép mái che khu đóng hàng và thay tôn đình lò	-	1.244.449.946
	28.956.467.651	26.198.629.597

(1) Dự án Nhà máy Vôi Công nghiệp DLH

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK (Đổi tên từ Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH);
- Địa điểm xây dựng: Các lô CN4, CN6, CN20, Cụm Công nghiệp Phú Thứ, Kinh Môn, Hải Dương (nay là phường Nhị Chiểu, Thành phố Hải Phòng);
- Mục đích xây dựng: Nhà máy sản xuất Vôi công nghiệp;
- Mục tiêu dự án: Sản xuất vôi, dolomite nung công nghiệp từ đá vôi, đá dolomite; chế biến vôi cục, dolomite qua nung, các sản phẩm khác từ vôi, dolomite nung và cho thuê sân bãi, nhà xưởng nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường;
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vốn vay tín dụng;
- Quy mô của dự án: Dự án sản xuất vôi, dolomite nung công nghiệp từ đá vôi, đá dolomite với quy mô 320.000 tấn/năm; và kinh doanh chế biến vôi, dolomite nung, và các sản phẩm khác từ vôi, dolomite nung với quy mô 120.000 tấn/năm thông qua hợp đồng hợp tác, kinh tế, gia công chế biến với đơn vị sản xuất khác;
- Diện tích đất sử dụng: 37.942 m² (gồm lô đất số CN4, CN6 có diện tích 21.445 m²; lô đất CN20 có diện tích 16.497 m² và diện tích đường nội bộ); Hình thức sử dụng đất: Thuê đất trả tiền hàng năm cho toàn bộ diện tích đất thực hiện dự án;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

- Tiến độ thực hiện dự án đến thời điểm 31/12/2025:
 - + Giai đoạn 1: Hoàn thành các hạng mục công trình và lắp đặt máy móc thiết bị của các dây chuyền sản xuất vôi từ tháng 02/2017 đến tháng 10/2021 trên lô đất CN20 - Thửa đất số 240 tờ bản đồ địa chính số 35, diện tích 16.497 m².
 - + Giai đoạn 2: Hoàn thành thủ tục giải phóng mặt bằng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên lô đất CN4, CN6 với diện tích 21.445 m². Công ty đang thực hiện các thủ tục xin cấp phép xây dựng phần mở rộng dự án làm khu vực chế biến sản phẩm và điều chỉnh tiến độ thực hiện trên Chủ trương đầu tư.
- (2) Dự án Bến Thủy Nội địa DLH
 - Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn DamiK (Đổi tên từ Công ty Cổ phần Vôi Công nghiệp DLH);
 - Địa điểm xây dựng: Bãi ngoài đê sông Hàn Mầu (K0+900 đến K1+166,5), phường Phú Thứ, Kinh Môn, Hải Dương (nay là phường Nhị Chiểu, Thành phố Hải Phòng).
 - Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng bến thủy nội địa phục vụ bốc xếp, tập kết hàng hóa của các dự án trong Cụm công nghiệp Phú Thứ và khu vực lân cận.
 - Quy mô dự án: 800.000 tấn/năm;
 - Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vốn vay tín dụng;
 - Tổng mức đầu tư tạm tính: 19.920 triệu VND;
 - Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 27 tháng 4 năm 2059;
 - Diện tích đất sử dụng: 21.532 m². Trong đó, diện tích đất xin thuê 6.888,0 m² và Diện tích đất lưu không 14.644 m²; Hình thức sử dụng đất: Từ năm 2025, thuê đất trả tiền hàng năm cho toàn bộ diện tích đất trực hiện dự án;
 - Tiến độ thực hiện dự án: Xây dựng hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động trước ngày 30 tháng 06 năm 2026.
 - Tiến độ thực hiện dự án đến thời điểm 31/12/2025:
 - + Giai đoạn 1: Hoàn thành giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng hoàn thành trên phần diện tích 14.101,6 m² và đưa vào hoạt động từ tháng 12/2021.
 - + Giai đoạn 2: Hoàn thành thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích còn lại, và tiếp tục thực hiện giải phóng mặt bằng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2025	101.952.873.158	134.857.359.555	6.558.000.572	628.668.000	238.350.000	244.235.251.285
Mua sắm	-	82.117.000	188.888.889	38.809.091	-	309.814.980
Phân loại lại	115.000.000	(115.000.000)	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2025	102.067.873.158	134.824.476.555	6.746.889.461	667.477.091	238.350.000	244.545.066.265
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2025	62.993.177.138	64.961.548.424	5.232.170.590	600.918.018	238.350.000	134.026.164.170
Trích khấu hao	9.550.067.084	13.293.668.628	613.467.082	37.452.257	-	23.494.655.051
Phân loại lại	(54.273.766)	54.273.766	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2025	72.488.970.456	78.309.490.818	5.845.637.672	638.370.275	238.350.000	157.520.819.221
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2025	38.959.696.020	69.895.811.131	1.325.829.982	27.749.982	-	110.209.087.115
Tại ngày 31/12/2025	29.578.902.702	56.514.985.737	901.251.789	29.106.816	-	87.024.247.044

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 86.827.900.365 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.773.364.593 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Tài sản khác VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2025	-	-
Mua sắm	168.382.441	168.382.441
Tại ngày 31/12/2025	168.382.441	168.382.441
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2025	-	-
Trích khấu hao	22.450.992	22.450.992
Tại ngày 31/12/2025	22.450.992	22.450.992
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2025	-	-
Tại ngày 31/12/2025	145.931.449	145.931.449

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	392.909.324	358.741.461
Chi phí bảo hiểm	131.046.388	183.000.000
Chi phí thuê đất	72.000.000	72.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	342.499.988	-
	938.455.700	613.741.461
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.653.759.296	7.423.721.333
Chi phí GPMB của dự án Nhà máy Vôi Công nghiệp DLH ⁽¹⁾	19.558.201.484	20.138.332.709
Tiền thuê đất từ tháng 10/2030 đến ngày 27/04/2059 chờ phân bổ của Dự án Nhà máy Vôi Công nghiệp DLH ⁽²⁾	7.723.416.750	7.723.416.750
Chi phí GPMB Dự án Bến thủy nội địa DLH ⁽³⁾	20.292.027.455	20.927.698.887
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.152.196.591	3.371.595.800
	53.379.601.576	59.584.765.479

(1) Thông tin chi tiết dự án trình bày tại Thuyết minh số 12.

(2) Chi phí tiền thuê đất từ tháng 10/2030 đến ngày 27/04/2059 của lô đất 21.445 m² thuộc dự án Nhà máy Vôi Công nghiệp DLH xác định theo Xác nhận số 7371/XN-CTHDU ngày 26/08/2024 của Cục thuế tỉnh Hải Dương.

(3) Thông tin chi tiết dự án trình bày tại Thuyết minh số 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thù, Phường Nhị Chiểu
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Anh Linh	-	-	1.744.447.840	1.744.447.840
Công ty TNHH Vận tải DLH	132.084.000	132.084.000	144.612.000	144.612.000
Công ty TNHH Khoáng sản Minh Hưng	262.526.520	262.526.520	-	-
Đối tượng khác	819.984.313	819.984.313	1.578.710.540	1.578.710.540
	1.214.594.833	1.214.594.833	3.467.770.380	3.467.770.380
Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.)	132.084.000	132.084.000	238.798.488	238.798.488

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	-	1.325.562.167	803.490.612	-	-	-	522.071.555
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	6.515.543	-	58.945.893	65.461.436	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	3.340.227.183	-	135.769.513	3.340.227.183	-	-	-	135.769.513
Thuế Thu nhập cá nhân	100.882.480	-	-	-	239.538.941	137.850.596	-	-	-	805.865
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	2.426.214	-	399.612.767	402.038.981	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-	-	-
	100.882.480	3.349.168.940	2.163.429.281	4.753.068.808	2.163.429.281	4.753.068.808	2.163.429.281	4.753.068.808	2.163.429.281	658.646.933

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thù, Phường Nhị Chiểu
 Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay	98.648.582	124.990.150
Chi phí phải trả khác	541.935.157	145.418.077
	640.583.739	270.408.227

19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	255.490.100	102.859.800
Bảo hiểm xã hội	6.472.157	1.287.750
Bảo hiểm y tế	2.745.500	227.250
Bảo hiểm thất nghiệp	505.000	101.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	73.419.355
	265.212.757	177.895.155

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thút, Phường Nhị Chiểu
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2025				31/12/2025			
	Giá trị		Số có khả năng trả		Tăng		Giảm	
	VND		VND		VND		VND	Số có khả năng trả VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn <i>Vay ngắn hạn</i>								
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽¹⁾	78.167.994.504		78.167.994.504		190.939.591.223		(194.072.579.117)	75.035.006.610
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>								
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	27.400.000.000		27.400.000.000		3.400.000.000		(27.400.000.000)	3.400.000.000
	<u>105.567.994.504</u>		<u>105.567.994.504</u>		<u>194.339.591.223</u>		<u>(221.472.579.117)</u>	<u>78.435.006.610</u>
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn								
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽²⁾	35.070.000.000		35.070.000.000		-		(27.400.000.000)	7.670.000.000
	<u>35.070.000.000</u>		<u>35.070.000.000</u>		<u>-</u>		<u>(27.400.000.000)</u>	<u>7.670.000.000</u>
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	27.400.000.000		27.400.000.000		3.400.000.000		(27.400.000.000)	3.400.000.000
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>7.670.000.000</u>		<u>7.670.000.000</u>				<u>4.270.000.000</u>	<u>4.270.000.000</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 362/2025-HĐCVHM/NHCTKCNHD15 ký ngày 10/11/2025 bao gồm các điều khoản sau:
- + Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất;
 - + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi có điều chỉnh;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2025 là 75.035.006.610 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thử, Phường Nhị Chiểu
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(2) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư Số 255/2022-HĐCVDADT/NHCTKCNHD15 ngày 03/08/2022 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 17.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Thực hiện Dự án đầu tư hợp pháp của Dự án "Cải tạo lò SK5";
- + Thời hạn cho vay: 66 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2025 là 7.670.000.000 VND; trong đó vay dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 3.400.000.000 VND.

Tài sản thế chấp chung cho các hợp đồng vay trên bao gồm: Toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với đất đã, đang và sẽ được hình thành trong tương lai; Dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất với công nghiệp (Thuộc dự án nhà máy sản xuất với công nghiệp DLH – Giai đoạn 1); Quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ; Quyền yếu cầu hoàn trả tiền ứng trước, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này; lợi ích, các khoản bồi hoàn; ...); Tài sản là nguyên vật liệu, vật tư phục vụ kinh doanh sản xuất vôi, và các máy móc thiết bị là tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Vôi công nghiệp DLH; Hệ thống máy móc thiết bị, phương tiện vận tải hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư nhà máy sản xuất với công nghiệp DLH giai đoạn 2; Toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ Dự án nhà máy sản xuất vôi công nghiệp DLH – Giai đoạn 2 và các tài sản thế chấp khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu
 Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Năm 2024				
Tại ngày 01/01/2024	143.750.000.000	1.250.625.000	8.140.685.346	153.141.310.346
Lãi trong năm trước	-	-	15.464.255.567	15.464.255.567
Tại ngày 31/12/2024	143.750.000.000	1.250.625.000	23.604.940.913	168.605.565.913
Năm 2025				
Tại ngày 01/01/2025	143.750.000.000	1.250.625.000	23.604.940.913	168.605.565.913
Lãi trong năm nay	-	-	414.521.370	414.521.370
Tại ngày 31/12/2025	143.750.000.000	1.250.625.000	24.019.462.283	169.020.087.283

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2025 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2025 VND
Ông Đặng Đức Minh	33,35%	47.942.000.000	33,35%	47.942.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn DLH Holdings	35,48%	51.000.000.000	35,48%	51.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư TND Global	20,00%	28.750.000.000	20,00%	28.750.000.000
Cổ đông khác	11,17%	16.058.000.000	11,17%	16.058.000.000
	100%	143.750.000.000	100%	143.750.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	143.750.000.000	143.750.000.000
- Vốn góp đầu năm	143.750.000.000	143.750.000.000
- Vốn góp cuối năm	143.750.000.000	143.750.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.375.000	14.375.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	14.375.000	14.375.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.375.000	14.375.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.375.000	14.375.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.375.000	14.375.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
	USD	USD
Đồng đô la Mỹ (USD)	833	971

23 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	211.282.238.888	337.452.828.764
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.000.000	24.000.000
	211.306.238.888	337.476.828.764
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên liên quan	1.713.087.500	1.246.545.500
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.)		

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán	195.492.023.018	298.204.453.353
	195.492.023.018	298.204.453.353

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.196.525	5.439.109
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	10.209.024	21.764.992
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	15.710.196	94.084.747
	30.115.745	121.288.848

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.488.779.312	9.084.156.904
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.723.680	18.634.228
	6.490.502.992	9.102.791.132

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	556.105.725	612.717.148
Chi phí nhân công	490.897.020	836.810.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	310.851.120	1.083.624.736
Chi phí khác bằng tiền	320.000	27.169.500
	1.358.173.865	2.560.321.877

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	147.958.022	222.148.876
Chi phí nhân công	2.326.115.064	2.791.497.820
Chi phí khấu hao tài sản cố định	367.180.068	332.943.468
Thuế, phí, lệ phí	415.939.040	207.650.759
Chi phí dự phòng	-	1.641.443.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.160.623.744	2.708.785.822
Chi phí khác bằng tiền	3.118.484.642	948.808.182
	7.536.300.580	8.853.278.669

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	550.290.883	18.804.482.750
Các khoản điều chỉnh tăng	144.266.880	79.648.755
- Chi phí không hợp lệ	50.182.133	79.648.755
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	94.084.747	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(15.710.196)	(2.182.995.589)
- Chi phí lãi vay năm trước chuyển sang	-	(2.088.910.842)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(15.710.196)	(94.084.747)
Thu nhập tính thuế TNDN	678.847.567	16.701.135.916
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	135.769.513	3.340.227.183
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.340.227.183	769.759.726
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.340.227.183)	(769.759.726)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	135.769.513	3.340.227.183

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	414.521.370	15.464.255.567
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	414.521.370	15.464.255.567
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	14.375.000	14.375.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	1.076

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	151.888.253.910	224.407.020.755
Chi phí nhân công	20.530.200.125	29.834.217.100
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.517.106.043	23.790.756.730
Chi phí dự phòng	-	1.641.443.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.230.573.423	18.501.704.663
Chi phí khác bằng tiền	3.820.147.716	10.269.988.543
	206.986.281.217	308.445.131.533

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Vào ngày 13/03/2026, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Sơn Thịnh (như trình bày tại Thuyết minh số 6) với giá trị chuyển nhượng là 3.780.000.000 đồng. Công ty đã thu được toàn bộ số tiền từ giao dịch này trong cùng ngày.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần được điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Đặng Đức Minh	Chủ tịch HĐQT, cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Tập đoàn DLH Holdings	Cổ đông lớn, có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư TND Global	Cổ đông lớn, có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải DLH	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải thủy DLH	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng sản Sơn Thịnh	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV DLH Thanh Hóa	Có cùng chủ tịch HĐQT, thành viên góp vốn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Trường Lộc	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế An Phú Sơn	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV Vôi Việt Nam	Có thành viên HĐQT là Chủ tịch Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư TND Holding	Có thành viên HĐQT là Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Vôi công nghiệp Long Sơn	Có thành viên HĐQT là Giám đốc, đồng thời là chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Khánh An	Chủ tịch HĐQT là vợ ông Đặng Đức Minh

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt	1.713.087.500	1.246.545.500
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Khánh An	290.450.000	963.945.000
Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt	-	3.278.320.500
Công ty TNHH Vận tải thủy DLH	3.699.786.650	14.984.717.890
Công ty TNHH Vận tải DLH	1.511.075.000	4.107.723.705
Tạm ứng		
Bùi Văn Tuấn	-	3.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DAMIK

Lô 20 cụm công nghiệp Phú Thứ, Phường Nhị Chiểu
 Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt	202.703.500	918.212.760
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Đại Thịnh Việt	-	457.149.920
Công ty TNHH Vận tải thủy DLH	250.084.832	-
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Sản xuất Bao bì Khánh An	-	48.600.000
Công ty TNHH Vận tải thủy DLH	-	45.586.488
Công ty TNHH Vận tải DLH	132.084.000	144.612.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	535.183.424	603.918.077
- Lê Quý Sơn	242.744.615	341.934.076
- Bùi Văn Tuấn	196.968.693	261.984.001
- Nguyễn Văn Hải	95.470.116	-

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 120325.002/BCTC.KT7 ngày 12 tháng 03 năm 2025.



Nguyễn Thị Luyện
 Người lập



Nguyễn Thị Luyện
 Kế toán trưởng



Lê Quý Sơn
 Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 03 năm 2026